

ThS. DƯƠNG THU TRANG

PHÁT HUY TÍNH SÁNG TẠO CHO TRẺ THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH Ở TRƯỜNG MẦM NON

DƯƠNG THU TRANG

NGUYỄN VĂN THIẾU

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 14/5/2019. Sửa chữa xong 12/5/2019. Duyệt đăng 14/5/2019.

Abstract

Promoting creativity is an important requirement in training thinking for preschool children. Every creative child will be a smart, curious, favorite new kid. In preschools, there are many activities that show the creativity of children such as shaping activities, experiences, festivals, entertainment ... In particular, shaping is an activity with special advantages to help stimulate children, expressed from ideas to implementation process and product descriptions. If teachers know how to create an open environment with rich materials; The design and organization of many integrated activities that provide rich knowledge of the surrounding environment will make children more passionate and excited, soaring in their own imagination and creativity.

Keywords: *creativity, preschool children, shaping activities.*

1. Đặt vấn đề

Hoạt động tạo hình (HĐTH) là một trong những hoạt động góp phần phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ mầm non. Đây là hoạt động nghệ thuật và là phương tiện quan trọng trong giáo dục thẩm mỹ, hình thành và phát triển ở trẻ những sáng tạo ban đầu; giúp trẻ tìm hiểu, khám phá và thể hiện sinh động những gì trẻ nhìn thấy trong thế giới xung quanh [10, Tr. 37]. Hoạt động này tác động đồng bộ lên quá trình phát triển của trẻ về đạo đức – trí tuệ – thẩm mỹ và hình thành các phẩm chất, kĩ năng ban đầu. Thông qua các hoạt động như vẽ, nặn, xé, xếp dán... được thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non mới cùng với sự tác động của giáo viên (GV) giúp trẻ khả năng cảm thụ, đánh giá cái đẹp, hình thành cảm xúc thẩm mỹ, được rèn luyện các kỹ năng khéo léo, linh hoạt như kỹ năng thể hiện các đường nét, sử dụng màu, bố cục, trang trí tác phẩm. Việc trẻ có thể tiếp thu cũng như phát triển tốt các năng lực của mình trong HĐTH hay không phụ thuộc rất lớn vào khả năng tổ chức định hướng giảng dạy của GV. Nếu GV tổ chức HĐTH cho trẻ theo những phương pháp “rập khuôn”, “lạc hậu” sẽ làm hạn chế khả năng của trẻ, ngược lại, nếu biết sáng tạo, sử dụng những phương pháp hay, phù hợp sẽ kích thích và phát huy tốt nhất những năng lực tiềm tàng trong trẻ.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm sáng tạo của trẻ mầm non trong HĐTH

Sự sáng tạo của trẻ em không giống như sự sáng tạo của người lớn. Một người trưởng thành được coi là có trí sáng tạo khi họ tạo ra cái mới, cái độc đáo, gắn với tính chủ đích, có tính bền vững và thường là kết quả của quá trình nỗ lực tìm tòi... Nhưng một em bé được coi là có trí sáng tạo khi trẻ bắt đầu từ sự tái tạo, bắt chước, mô phỏng... và thường không có tính chủ đích. Sự sáng tạo của trẻ em phụ thuộc nhiều vào xúc cảm, vào tình huống và thường kém bền vững. Ở lứa tuổi mầm non, trẻ rất giàu xúc cảm, trí tò mò và tưởng tượng phong phú nên đây sẽ là giai đoạn tối ưu để kích thích sự sáng tạo, hành vi sáng tạo. Đôi khi chỉ cần vài mẫu gỗ, vài mẫu vải vụn, những mẫu giấy xé dán, hoặc chỉ là những nét vẽ nguệch ngoạc, hình mảng xanh đỏ trên giấy không rõ hình thù..., vốn rất ít có ý nghĩa, thậm chí hoàn toàn vô bổ với người lớn, nhưng lại thu hút toàn bộ tâm trí trẻ khiến chúng say sưa khám phá, sáng tạo. Đó là vì trẻ được chơi, được thỏa mãn với những ý tưởng tuyệt vời của chính mình. Như vậy, xúc cảm được nảy sinh trong quá trình chơi, chứ không phải ở sản phẩm cuối cùng (bức vẽ đẹp hay không đẹp theo cách nhận xét thường thấy ở người lớn) đã nuôi dưỡng trí tưởng tượng sáng tạo cho trẻ em.

Trong HĐTH được tổ chức ở trường mầm non, khả năng sáng tạo của trẻ được biểu hiện thông qua các đặc điểm:

- Linh hoạt trong thực hiện sản phẩm tạo hình: Là khả năng biến đổi những thông tin đã thu nhận được, sự thay đổi dễ dàng và nhanh chóng trật tự của hệ thống tri thức [tr.22]. Tính linh hoạt của trẻ được thể hiện: trẻ biết điều chỉnh hoạt động của mắt, não, các kỹ năng khéo léo, linh hoạt của đôi bàn tay, trẻ thích sử dụng màu sắc sặc sỡ, mỗi sản phẩm của trẻ mang một nội dung và tên gọi khác nhau.

- Mềm dẻo trong thực hiện ý tưởng với liên hệ thực tế: Là năng lực tổng hợp nhanh chóng dẫn tới ý tưởng mới để kết hợp các yếu tố riêng của tình huống, hoàn cảnh của sự vật, hiện tượng [tr. 22]. Tính mềm dẻo thể hiện: Lưu loát trong ý tưởng (Trẻ dễ dàng tìm ra được cách trả lời phù hợp, các giải pháp của các tình huống); Lưu loát trong từ ngữ (Từ một số từ, một số chữ, các tổ hợp từ trẻ có thể nhanh chóng tạo ra được các câu văn); Lưu loát trong liên tưởng (Đó là sự nhanh chóng tìm ra mối liên tưởng giữa các sự vật với hoàn cảnh cho trước); Lưu loát trong biểu đạt (là khả năng sử dụng ngôn ngữ để biểu đạt các ý tưởng, các khái niệm một cách chính xác, sinh động và nhanh chóng). Tính mềm dẻo còn là khả năng tìm ra nhiều giải pháp khi có một vấn đề đặt ra nhờ sự liên tưởng đến các giải pháp đã có trong vốn kinh nghiệm. Chẳng hạn, khi trẻ vẽ bức tranh về "Chiếc ô tô mơ ước của em", để hoàn thành được, trẻ phải có ý tưởng về chiếc ô tô mà trẻ mơ ước có được trong tương lai như có khả năng bay được trên không hay ngập lặn dưới nước nhưng chiếc ô tô ấy vẫn phải có cấu tạo cơ bản của một chiếc ô tô hiện tại trẻ vẫn nhìn thấy.

- Có tính độc đáo: Được thể hiện ở sản phẩm và cách giải quyết vấn đề khác với trẻ còn lại [tr.23]. Tính độc đáo được thể hiện ở hai yếu tố: Sự hiếm lạ, duy nhất: Đó là khả năng trẻ lựa chọn những tình huống, những sự vật để giải quyết vấn đề khác hẳn với mọi người. Sự liên tưởng xa: Đó là khả năng trẻ đưa ra các liên tưởng mới lạ đối với sự vật hiện tượng có quan hệ không gần gũi với nhau. Hoạt động tạo hình có ưu thế đặc biệt trong việc kích thích trẻ tạo ra những sản phẩm độc đáo, không bị rập khuôn trong những khuôn mẫu sẵn có.

- "Định nghĩa" lại sự vật, hiện tượng theo ý tưởng của trẻ: Là khả năng trẻ tìm ra những dấu hiệu tương đồng giữa sự vật, hiện tượng để có thể định nghĩa, đặt tên lại cho các sự vật hiện tượng mà vẫn không làm mất ý nghĩa, bản chất của nó [tr.24]. Trẻ vẽ lại bức tranh một bữa cơm gia đình với những món ăn quen thuộc nhưng đó có thể là những món ăn mà bằng mắt thường người lớn khó nhận biết được tên từng món ăn. Khi cho trẻ thuyết trình về bức tranh đó, con có thể gọi món ăn đó bằng những tên mới và đặc điểm mới phản ánh đúng như mong ước của trẻ.

Có thể thấy, để đánh giá mức độ sáng tạo của trẻ được xây dựng trên những đặc điểm chung; sự linh hoạt khi tiếp nhận và xử lý thông tin, sự mới mẻ trong cách giải quyết vấn đề và sự mềm dẻo, nhanh nhạy khi gặp tình huống có vấn đề. Từ những tiêu chí khác nhau để đúc kết thành một hệ thống đánh giá mức độ sáng tạo của riêng mình. Ở trường mầm non, khi kết thúc HĐTH, GV thường cho trẻ nhận xét và trưng bày sản phẩm. Nếu lấy hình mẫu, tranh mẫu của cô giáo để so sánh, đánh giá sản phẩm của trẻ thì sẽ không nhìn ra và kích thích được sự sáng tạo của trẻ. Sự sáng tạo của trẻ được biểu hiện thông qua tất cả những đặc điểm trên. Nhiệm vụ của mỗi GV mầm non là hiểu được bản chất của vấn đề và đánh giá toàn diện cả quá trình tạo hình của trẻ.

2.2. Biểu hiện sáng tạo của trẻ mầm non trong HĐTH

Tạo hình là một trong những bộ môn quan trọng nhất trong trường mầm non, là một hoạt động học tập mang tính nghệ thuật, là phương tiện quan trọng trong việc giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ, thể lực và lao động. HĐTH bao gồm nhiều hoạt động như: Vẽ, nặn, xé dán, cắt. Qua HĐTH đã góp phần đáng kể đến việc hình thành ở trẻ những tri thức, ngôn ngữ của trẻ cũng phát triển hoàn thiện cùng cảm xúc, thẩm mỹ, tính kiên trì, bền bỉ, khéo léo, sáng tạo. Trong quá trình sáng tạo của trẻ, sự bắt chước đóng vai trò quan trọng, tuy nhiên sự tái hiện lại trong quá trình đó không hoàn toàn giống trong thực tế. Do đó, sự sáng tạo của trẻ là chân thực nhất. Sáng tạo của trẻ bao giờ cũng xuất phát từ nhu cầu đã có trước, một nhu cầu cấp bách tự nhiên và điều kiện tồn tại của trẻ. Trẻ không bao giờ sáng tạo cái gì mà trẻ không biết, không hiểu và không có hứng thú. Trẻ có thể sáng tạo đột nhiên, có cách làm việc tự do, không cần ghi nhớ, không cần sự bắt chước, bất kì chỗ nào thiếu trí nhớ, những kỉ niệm bị rạn nứt chỉ còn lại những yếu tố rời rạc thì óc tưởng tượng sẽ móc ghép theo cách riêng, thế là có sáng tạo. Sáng tác của trẻ ít khi nghiền ngẫm lâu về tác phẩm của mình, phần lớn trẻ sáng tác liền một mạch. Trẻ giải quyết nhu cầu sáng tạo của mình nhanh chóng và triệt để những tình cảm đang tràn ngập trong

lòng trẻ. Trẻ không phải ngẫu nhiên tập trung vào việc sáng tạo, mà chính sáng tạo cho phép đứa trẻ ở lứa tuổi này có thể dễ dàng thể hiện hơn hết những điều đang tràn ngập tâm hồn trẻ.

Trong mọi hoạt động của mình trẻ luôn có cảm giác thắc mắc, tò mò cao độ và một sự nỗ lực tự phát nhằm khám phá, thử nghiệm và thao tác theo kiểu độc đáo mang tính trò chơi. Đó là biểu hiện mang tính sáng tạo của trẻ. Sáng tạo của trẻ mang tính chất tổng hợp các lĩnh vực trí tuệ, tình cảm, ý chí và đặc biệt là tưởng tượng sáng tạo được hưng phấn với một sức mạnh trực tiếp của cuộc sống. Chúng ta biết rằng so với người lớn, trí thức và kinh nghiệm của trẻ còn ít ỏi, trí tưởng tượng còn nghèo nàn, hứng thú đơn giản và sơ đẳng hơn nhưng do sự dễ dãi, sự mộc mạc của trí tưởng tượng nên trẻ sống trong thế giới tưởng tượng nhiều hơn, tin vào sản phẩm của trí tưởng tượng nhiều hơn, kiểm tra những sản phẩm ít hơn do đó mà trẻ dễ có những biểu hiện sáng tạo hơn. Sản phẩm sáng tạo của trẻ có thể không hoàn hảo nhưng ưu thế là chúng nảy sinh trong quá trình sáng tạo của trẻ.

Như vậy, sự sáng tạo của trẻ không chỉ được xem xét ở kết quả trong sản phẩm sáng tạo mà còn được nhìn nhận trong bản thân quá trình sáng tạo. Điều quan trọng không hẳn là ở cái mới mà trẻ tạo ra, mà là trẻ đang được sáng tạo, đang được bộc lộ và rèn luyện trong các HĐTH, được tự mình khám phá, tìm tòi, nghĩ ra một cái mới và thể hiện cái mới đó với niềm yêu thích.

2.3. Các biện pháp phát huy tính sáng tạo của trẻ thông qua HĐTH ở trường mầm non

2.3.1. Xây dựng thói quen tích cực trong HĐTH

Để có thể hình thành cho trẻ ước mơ sáng tạo mỹ thuật, việc luyện tập là điều không thể thiếu được và nó chính là cốt lõi của sự thành công mỗi trẻ. Hãy sắp xếp thời gian biểu khoa học để việc luyện tập cho trẻ được diễn ra thường xuyên, đều đặn tạo thành thói quen sinh hoạt hàng ngày nhằm nuôi dưỡng "chỗ non nghệ thuật" cho trẻ.

Nếp học là một bước cơ bản tạo nên thành công của tiết học, nếu chúng ta không đưa trẻ vào nề nếp thì giờ học không đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó GV cần tìm hiểu, nắm bắt được tâm lý và sở thích của từng trẻ, cùng với sự có nề nếp tốt của trẻ và sự hướng dẫn khoa học của cô, ngay từ ban đầu trẻ đã say mê với giờ học, luôn thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng cho hoạt động nghệ thuật GV nên: Xếp xen kẽ cháu mạnh dạn với cháu nhút nhát, cháu nam với cháu nữ, chia tổ đặt tên tổ và bầu ra tổ trưởng để dễ quản lý, nhắc nhở thành viên của tổ mình.

GV phải luôn động viên trẻ trong quá trình tổ chức hoạt động, uốn nắn cách ngồi học của trẻ cho trẻ ngồi đúng tư thế. Trẻ chủ động tích cực được nói lên ý kiến của mình, có câu hỏi định hướng tạo cho trẻ phát huy tính tích cực sáng tạo, làm cho trẻ mạnh dạn hơn.

2.3.2. Đổi mới các HĐTH cho trẻ qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm phong phú, đa dạng

HĐTH cần biết khuyến khích trẻ quan sát, nhận xét các sự vật hiện tượng thiên nhiên giúp trẻ bị thu hút vào vẻ đẹp tinh tế của thiên nhiên, tâm hồn trẻ sẽ tràn ngập niềm vui sướng khi tiếp xúc với thiên nhiên từ đó sự sáng tạo sẽ phát huy một cách tích cực nhất khi trẻ được học bằng các trải nghiệm thực tế gắn với cuộc sống của mình. Trên thực tế, để thực hiện điều này là một khó khăn không nhỏ đối với giáo viên, tuy nhiên không thể phủ nhận những giá trị to lớn nó mang lại cho trẻ. Phương thức này giúp trẻ nhận thức cũng như lĩnh hội các kiến thức sâu hơn về thế giới xung quanh, từ đó kích thích cho trẻ tinh thần ham học hỏi, là cơ sở nền tảng cho các hoạt động sáng tạo.

Để có các HĐTH ý nghĩa và hiệu quả, người GV cần hiểu được giá trị của mỗi loại hình trải nghiệm và sở thích học tập của trẻ, từ đó xây dựng nên được những trải nghiệm phù hợp, đa dạng các lĩnh vực như: trải nghiệm thiên nhiên, trải nghiệm ngôn ngữ, trải nghiệm chất liệu....

2.3.3. Tạo ra môi trường cho trẻ sáng tạo

- Thiết kế "không gian sáng tạo"

Một không gian sáng tạo có thể được thiết kế ngoài trời cũng như trong nhà, nó mang lại cơ hội cho trẻ sử dụng các kỹ năng và trải nghiệm trong những bối cảnh khác nhau từ đó tạo nên những liên kết trong học tập của mình.

Với không gian trong trường học trẻ em có thể sử dụng nguồn nguyên vật liệu sáng tạo: sử dụng vật liệu nghệ thuật để sáng tạo (nặn, vẽ, làm thủ công...) và lưu trữ lại các sản phẩm. Bên cạnh đó, lý tưởng hơn cả với một không gian sáng tạo khi xây dựng được "xưởng nghệ thuật" cho trẻ, được thiết

kế và lấp đầy bởi các nguyên vật liệu khác như đất sét, sơn, màu nghệ thuật, vật liệu thiên nhiên...giúp trẻ được trải nghiệm và phát huy một cách tích cực nhất những suy nghĩ và nâng cao thẩm mỹ về các chất liệu khi tham gia vào các dự án khác nhau.

- Cung cấp các vật liệu phong phú và độc đáo

Thông thường trong các tiết học tạo hình (vẽ, nặn) trẻ sẽ được sử dụng như bút màu, giấy màu, giấy trắng, đất nặn – đó là những đồ dùng phổ biến, không gây được nhiều ấn tượng cho trẻ. Việc GV sử dụng những vật liệu mới lạ (như dùng các khuôn vẽ đĩa giấy có sẵn hay tấm mảnh, tấm gỗ thay cho giấy vẽ...) sẽ mang lại sự sáng tạo và độc đáo hơn. Đối với trẻ mầm non, nguồn tài nguyên mở cung cấp điểm khởi đầu thú vị cho tất cả cá ý tưởng sáng tạo đó là khi chúng có trong tay những nguyên liệu tốt.

Đưa vật liệu thiên nhiên hay các nguyên vật liệu khác nhau vào quá trình tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non cần có nhiều các giải pháp và cách thức khác nhau, nhưng có thể nói đây là “cầu nối” để giúp cho HĐTH của trẻ thêm hứng thú, góp phần nuôi dưỡng những xúc cảm thẩm mỹ và tình cảm thẩm mỹ mới lạ ở trẻ, từ đó giúp trẻ khám phá và sáng tạo nên những giá trị mới trong cuộc sống.

2.3.4. Lồng ghép, tích hợp các hoạt động khác vào HĐTH để tạo hứng thú cho trẻ

Ngoài HĐTH trong trường mầm non còn có những hoạt động khác như âm nhạc (hát, múa), toán, tìm hiểu môi trường xung quanh, tiếng Việt, kể chuyện... Những hoạt động này có quan hệ chặt chẽ với nhau và bổ sung cho nhau. Tích hợp là đòi hỏi ở GV sự sáng tạo, linh hoạt và khéo léo, khi vận dụng tích hợp cần lựa chọn nội dung phù hợp logic, tránh quá trình hoạt động trở nên rời rạc, chắp vá. Tích hợp bằng cách đưa các bài đồng dao, ca dao, bài thơ, bài hát hay câu đố vào trong HĐTH không chỉ để tạo hứng thú cho trẻ mà còn làm cho các bước chuyển tiếp trở nên mềm dẻo, tạo cho trẻ cảm giác thoải mái an toàn, không gò bó cứng nhắc, không làm cho trẻ chán nản, mệt mỏi khi học... Với tiết học nặn các loại đồ chơi thì GV chuẩn bị đầy đủ các loại đồ chơi, ngoài ra chuẩn bị thêm tranh ảnh thật chiếu lên màn hình cho trẻ quan sát. Ngoài ra GV nên chuẩn bị một gian hàng trưng bày đồ chơi trẻ em và một số mẫu nặn đẹp. Sau khi trẻ được quan sát một số hình ảnh qua giáo án điện tử và được sự hướng dẫn của cô trẻ đã hoàn thành bài tập của mình.

3. Kết luận

Tạo hình là một trong những hoạt động quan trọng trong trường mầm non; là một hoạt động học tập có chủ đích mang tính nghệ thuật; là phương tiện quan trọng trong việc giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ, thể lực và lao động. Đây là hoạt động có tác dụng to lớn trong việc giáo dục, phát triển và hình thành nhân cách cho trẻ mầm non; phát triển các chức năng tâm lý; giáo dục trẻ tình yêu đối với con người, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp...; hình thành ở trẻ những kĩ năng, kĩ xảo, năng lực quan sát, phát triển trí nhớ, trí tưởng tượng, sáng tạo, phát triển khả năng tri giác về hình dáng, cấu trúc, màu sắc của đồ vật bằng mắt một cách có mục đích.

Thông qua HĐTH trẻ có cơ hội tìm hiểu, nghiên cứu các đối tượng miêu tả để có được hiểu biết, hình dung về đối tượng đó, từ đó trẻ xây dựng các đối tượng giúp tăng thêm vốn hiểu biết của trẻ. Khi tham gia các HĐTH, trẻ tái tạo lại bằng hình tượng của đồ vật, hình tượng quen thuộc mà trước đó trẻ đã tri giác được. Trong trường mầm non, HĐTH chính là phương tiện để trẻ thể hiện mình, thông qua nghệ thuật tạo hình trẻ được thử sức mình trong việc thể hiện và sáng tạo thế giới riêng theo tư duy của mình. Đây là hoạt động có ưu thế đặc biệt trong việc kích hoạt tính sáng tạo của trẻ - một thao tác quan trọng của tư duy. Khi trẻ sáng tạo, tư duy của trẻ được phát triển, là tiền đề để tạo ra những cái mới, những phát minh khoa học trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thanh Thủy, *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội, 2008.
2. Lê Hồng Vân, *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, quyển III*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
3. Tạ Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Thu, *Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
4. Đào Thanh Âm (chủ biên) Trịnh Dân, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang, *Giáo dục học Mầm non, tập ba*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009.
5. Lê Huy Hoàng, *Sáng tạo và những điều kiện chủ yếu để kích thích sự sáng tạo của con người Việt Nam hiện đại*, NXB Khoa học xã hội, 2002.
6. Huỳnh Văn Sơn, *Tâm lý học sáng tạo*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
7. Đinh Thị Thanh Hà, *Một số biện pháp phát huy tính sáng tạo cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua hoạt động nặn ở trường mầm non*, Trường đại học Quảng Bình

Số 302
Tháng 2
2017

ISSN: 0866-8655

VĂN HÓA NGHIỆP THUẬT

TIỆN CỬA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH



CONSULTANT COUNCIL
JOURNALIST PHAM VU DZUNG
A.P.R.DR. NGUYEN MANH LAN
A.P.R.DR. NGUYEN DANG NGHI
P.R.DR. TO NGOC THANH
A.P.R.DR. DO LAI THUY
P.R.DR. LUU TRAN TIEU
P.R.DR. HOANG VINH

DEPUTY EDITOR IN CHIEF
PHAM VU DZUNG

DESIGN & LAYOUT
TRAN VINH

EDITORIAL BOARD
PHAM VAN LU

NGUYEN THI VAN ANH
NGO THI HUYNH
NGUYEN LIEN HUONG
TUE SAM
TRINH PHUONG THU
DAO MAI TRANG
PHAM VIET TUNG

DIGITAL MAGAZINE BOARD
PHAM VAN CHINH

ADVERTISEMENT & DISTRIBUTION
TRAN QUANG VINH

ADMINISTRATIVE BOARD
VU THUY LINH

BRANCH OFFICE
IN HO CHI MINH CITY

N-112 Cach Mang Thang Tam street
District N'3, Ho Chi Minh City
Tel: 08.38220054
Fax: 08.39306838

OFFICE ADDRESS
N'32 Hao Nam street

Dong Da District, Hanoi City
Tel: 04.35131305, 3515530
Fax: 04.35111780
Email: vhtnvn@vnn.vn
tcvhtn@hn.vnn.vn
Website: www.vhnt.org.vn

CONTENTS

Published since 1973
Number 392, February, 2017

CULTURE

NGUYEN DINH BAC: Following the document of the 7 th Party Congress to build the culture of the Party	3
DO VAN NGHIA: Thinking of the construction of the Party	6
NGUYEN PHUONG HOA: The role of the UNESCO Convention 2005 in international free trade negotiations (continued from No. 391)	9
NGUYEN THANH HOAI - BUI QUANG THANH: The tradition of centripetal psychology in the consciousness of the national origins	13
DO THI THU HA - PHAM DANG XUAN HUONG: The ritual of vitality transmission by magics in Vietnamese folklore (continued from No. 391)	16
NGUYEN THI MINH LINH: Preservation and promotion of Vietnam's traditional folk festivals	21
LE KHAC GIH: Kinh Phai traditional festival	24
NGUYEN TRI PHUONG: Impacts of climate changes to the historical and cultural relics in Thai Binh province	27
NGUYEN THI ANH: Vietnamese entrepreneurs' business theories in the early 20 th century	30
VU THI MINH PHUONG: Cultural development and the goal of new rural construction in Vietnam	34
NGUYEN THE THI: Tourism development in association with cultural heritage preservation in the new times	37
NGUYEN THI NGA: Changes in wedding rituals of the Raglai minority	40

ARTS

NGUYEN VAN THIEU: Music in the ritual of full month (for new born babies) of the Tay minority in Bac Can province	44
BUI THI MAI LAN: Preservation and promotion of Cao Lan folk songs in Phu Tho province	48
NGUYEN VIET DUC: Ho ba trao (a type of folk performance) in the Southern central coastal region	51
TUE SAM: ASEAN movies distribution and production cooperation	55
NGUYEN THI LOAN: The nature in the Viet people traditional dress ornaments and designs	58
TRANG VU: On the tendency of minimalism in paintings and sculpture in Vietnam today	61
DINH QUANG TRUNG: The mechanism of financial inclusion for rural communities	65
NGUYEN THI MINH THU - HOANG THI NGUYET: Movies about villages in Tay Thai minority's fairy tales	69
PHAM QUANG LONG - DAO CU PHU: Diffusive storytelling in novels that have post-modern factors	72

INFORMATION

NGUYEN TIEN HUU: Two literary stars in Asia and Europe	74
NGUYEN THI KIM TIEN: Southern characteristics through works of Nam Son and Mac Can	78
TRAN THUY LINH: Moral and legal lessons for students at the university of information and communications technology	82
NGUYEN TUAN LE: Pedagogical culture environment for development of personality of army officer students	84
NGUYEN DUC HUNG: Pedagogical culture environment in army officer training schools	87
NGUYEN THANH CHUNG: Legal culture for female intellectuals in the army	90
LE THI BICH THUAN: Team construction in the branches of cultural management	93
HOANG THI BINH: An important resource for cultural activities management and organization	96
LE HO HIEU: Resolution for human resource development in Quang Ninh province	100
NGUYEN THI NOI: Propaganda and education for preservation of the Tay minority culture in Thai Nguyen province	103
NGO THI HUYNH: Ca tru performance at Lo Hamh	106
VU THI VIET NGA: Vietnamese culture seen from technique of people Anzhamite	108
TRAN THI KIM OANH: The Cantonese's tea cuisine	112
News on cultural and artistic events	121

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO PHẠM VŨ ĐÌNH
PGS.TS NGUYỄN MẠNH LÂN
PGS.TS NGUYỄN ĐĂNG NGHỊ
GS.TSKH TÔ NGỌC THANH
PGS.TS ĐỖ LAI THUY
GS.TSKH LƯU TRẦN TIÊU
GS.TS HOÀNG VĨNH

PHOTOLOG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH
PHẠM VŨ ĐÌNH

32 Hà Nam, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 04.38518301, 38515530
Fax: 04.35111789

Email: vnhtv@vna.vn
vnhtv@vna.vn
Website: www.vnhtv.vn
In tại Công ty Cổ phần

In truyền thông Việt Nam

Giấy phép số

506/GP-BTTTT ngày 05-4-2011

Phát hành ngày 10 hàng tháng

Giá: 25.000 đồng



Thái Vy ngày hè
Anh Bùi Tuấn Hải

MỤC LỤC

XUẤT BẢN TỪ NĂM 1973
HƯỚNG CHUONG ĐOC LẬP HANG BA

Số 392, Tháng 2-2017 ISSN: 0866-8655

VĂN HÓA

NGUYỄN ĐÌNH BÁC: Xây dựng văn hóa Đảng theo tinh thần Văn kiện Đại hội XII	3
ĐỖ VĂN NGHĨA: Nghi lễ công tác xây dựng đảng hiện nay	6
NGUYỄN PHƯƠNG HOÀ: Vai trò của Công ước UNESCO 2005 trong đầu tư phát triển các hiệp định từ di sản văn hóa quốc tế (tiếp theo số 391)	9
NGUYỄN THANH HOÀNG QUANG THANH: Tâm lý hướng tâm truyền thống trong ý thức cộng đồng dân tộc	13
ĐỖ THỊ THU HÀ-PHẠM ĐĂNG XUÂN HƯƠNG: Nghi thức ma thuật truyền thống dân gian (tiếp theo số 391)	16
NGUYỄN THỊ MỸ LINH: Bảo tồn, phát huy giá trị lễ hội truyền thống làng Xuân Trách	21
LÊ KHẮC GIÊ: Lễ hội truyền thống của người Mông Preh	24
NGUYỄN TRỊ PHƯƠNG: Tác động biến đổi khí hậu với di tích lịch sử văn hóa ở Thái Bình	27
NGUYỄN THỊ ANH: Thiết lý kinh doanh của doanh nhân Việt đầu thế kỷ XX	30
VŨ THỊ MINH PHƯƠNG: Phát triển văn hóa trong mục tiêu xây dựng nông thôn mới	34
NGUYỄN THE THỊ: Phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản văn hóa trong thời kỳ mới	37
NGUYỄN THỊ NGÀ: Bến đò trong nghi lễ cưới hỏi của người Raglai	40

NGHỆ THUẬT

NGUYỄN VĂN THIỆU: Âm nhạc trong nghi lễ theo dây thừng của người Tày ở Bắc Cạn	44
BUI THỊ MAI LAN: Bảo tồn, phát huy giá trị sinh cơ Cao Lan ở Phú Thọ	48
NGUYỄN VIỆT ĐỨC: Họ bà trợ ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ	51
TUÊ SAM: Hợp tác sản xuất, phát hành phim các nước ASEAN	55
NGUYỄN THỊ LOAN: Thiên nhiên trong tạo hình trang phục truyền thống của người Việt	58
TRẦN VŨ: Nhìn lại xu hướng tối giản của hội họa và điêu khắc ở Việt Nam	61
ĐINH QUANG TRUNG: Cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập	65
NGUYỄN THỊ MINH THU - HOÀNG THỊ NGUYỄN: Mối liên quan đến nhân vật phản diện trong truyện cổ tích thần kỳ Tây - Thái	69
PHẠM QUANG LONG-ĐÀO CỬ PHÚ: Lễ hội chuyên khuếch tán trong tiểu thuyết có yếu tố hậu hiện đại	72

THÔNG TIN

NGUYỄN TIẾN HỮU: Hai ngôi sao văn hóa Á-Âu	74
NGUYỄN THỊ KIM TIẾN: Tinh cách Nam Bộ qua tác phẩm của Sơn Nam và Ngọc Cẩn	78
TRẦN THUY LINH: Giáo dục pháp luật và đạo đức cho sinh viên	82
NGUYỄN VĂN LINH: Nghi lễ trong văn hóa dân gian của người Tày ở Lào Cai	84
NGUYỄN ĐỨC HÙNG: Xây dựng môi trường văn hóa sư phạm ở các trường sư phạm quốc gia	87
NGUYỄN THANH CHUNG: Nâng cao văn hóa pháp luật cho đội ngũ tri thức nữ quản lý	90
LÊ THỊ BÍCH THUAN: Văn đề xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa hiện nay	93
HOÀNG THỊ BÌNH: Nguồn lực quan trọng trong tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa	96
LÊ HOÀNG: Giải pháp phát triển nguồn nhân lực ở Quảng Ninh	100
NGUYỄN THỊ NƠI: Truyền thuyết, giáo dục giữ gìn văn hóa Tây ở Thái Nguyên	103
NGÔ THỊ HUỲNH: Sinh hoạt ca trù tại đình Lỗ Hạnh	106
VŨ THỊ VIỆT NGÀ: Văn hóa Việt Nam nhìn từ bộ tranh ký họa của người An Nam	108
TRẦN THỊ KIM OANH: Trá trong đời sống âm nhạc của người Hoa Quảng Đông	112
Tin văn hóa nghệ thuật	121

PHÁT HUY TÍNH SÁNG TẠO CHO TRẺ THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH Ở TRƯỜNG MẦM NON

DƯƠNG THU TRANG
NGUYỄN VĂN THIẾU

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 14/5/2019. Sửa chữa xong 12/5/2019. Duyệt đăng 14/5/2019.

Abstract

Promoting creativity is an important requirement in training thinking for preschool children. Every creative child will be a smart, curious, favorite new kid. In preschools, there are many activities that show the creativity of children such as shaping activities, experiences, festivals, entertainment ... In particular, shaping is an activity with special advantages to help stimulate children, expressed from ideas to implementation process and product descriptions. If teachers know how to create an open environment with rich materials; The design and organization of many integrated activities that provide rich knowledge of the surrounding environment will make children more passionate and excited, soaring in their own imagination and creativity.

Keywords: creativity, preschool children, shaping activities.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động tạo hình (HĐTH) là một trong những hoạt động góp phần phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ mầm non. Đây là hoạt động nghệ thuật và là phương tiện quan trọng trong giáo dục thẩm mỹ, hình thành và phát triển ở trẻ những sáng tạo ban đầu; giúp trẻ tìm hiểu, khám phá và thể hiện sinh động những gì trẻ nhìn thấy trong thế giới xung quanh [10, Tr. 37]. Hoạt động này tác động đồng bộ lên quá trình phát triển của trẻ về đạo đức – trí tuệ – thẩm mỹ và hình thành các phẩm chất, kỹ năng ban đầu. Thông qua các hoạt động như vẽ, nặn, xé, xếp dán... được thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non mới cùng với sự tác động của giáo viên (GV) giúp trẻ khả năng cảm thụ, đánh giá cái đẹp, hình thành cảm xúc thẩm mỹ, được rèn luyện các kỹ năng khéo léo, linh hoạt như kỹ năng thể hiện các đường nét, sử dụng màu, bố cục, trang trí tác phẩm. Việc trẻ có thể tiếp thu cũng như phát triển tốt các năng lực của mình trong HĐTH hay không phụ thuộc rất lớn vào khả năng tổ chức định hướng giảng dạy của GV. Nếu GV tổ chức HĐTH cho trẻ theo những phương pháp “rập khuôn”, “lạc hậu” sẽ làm hạn chế khả năng của trẻ, ngược lại, nếu biết sáng tạo, sử dụng những phương pháp hay, phù hợp sẽ kích thích và phát huy tốt nhất những năng lực tiềm tàng trong trẻ.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm sáng tạo của trẻ mầm non trong HĐTH

Sự sáng tạo của trẻ em không giống như sự sáng tạo của người lớn. Một người trưởng thành được coi là có trí sáng tạo khi họ tạo ra cái mới, cái độc đáo, gắn với tính chủ đích, có tính bền vững và thường là kết quả của quá trình nỗ lực tìm tòi... Nhưng một em bé được coi là có trí sáng tạo khi trẻ bắt đầu từ sự tái tạo, bắt chước, mô phỏng... và thường không có tính chủ đích. Sự sáng tạo của trẻ em phụ thuộc nhiều vào xúc cảm, vào tình huống và thường kém bền vững. Ở lứa tuổi mầm non, trẻ rất giàu xúc cảm, trí tò mò và tưởng tượng phong phú nên đây sẽ là giai đoạn tối ưu để kích thích sự sáng tạo, hành vi sáng tạo. Đôi khi chỉ cần vài mẫu gỗ, vài mẫu vải vụn, những mẫu giấy xé dán, hoặc chỉ là những nét vẽ nguệch ngoạc, hình mảng xanh đỏ trên giấy không rõ hình thù..., vốn rất ít có ý nghĩa, thậm chí hoàn toàn vô bổ với người lớn, nhưng lại thu hút toàn bộ tâm trí trẻ khiến chúng say sưa khám phá, sáng tạo. Đó là vì trẻ được chơi, được thỏa mãn với những ý tưởng tuyệt vời của chính mình. Như vậy, xúc cảm được nảy sinh trong quá trình chơi, chứ không phải ở sản phẩm cuối cùng (bức vẽ đẹp hay không đẹp theo cách nhận xét thường thấy ở người lớn) đã nuôi dưỡng trí tưởng tượng sáng tạo cho trẻ em.

Trong HĐTH được tổ chức ở trường mầm non, khả năng sáng tạo của trẻ được biểu hiện thông qua các đặc điểm:

- Linh hoạt trong thực hiện sản phẩm tạo hình: Là khả năng biến đổi những thông tin đã thu nhận được, sự thay đổi dễ dàng và nhanh chóng trật tự của hệ thống tri thức [tr.22]. Tính linh hoạt của trẻ được thể hiện: trẻ biết điều chỉnh hoạt động của mắt, não, các kỹ năng khéo léo, linh hoạt của đôi bàn tay, trẻ thích sử dụng màu sắc sặc sỡ, mỗi sản phẩm của trẻ mang một nội dung và tên gọi khác nhau.

- Mềm dẻo trong thực hiện ý tưởng với liên hệ thực tế: Là năng lực tổng hợp nhanh chóng dẫn tới ý tưởng mới để kết hợp các yếu tố riêng của tình huống, hoàn cảnh của sự vật, hiện tượng [tr. 22]. Tính mềm dẻo thể hiện: Lưu loát trong ý tưởng (Trẻ dễ dàng tìm ra được cách trả lời phù hợp, các giải pháp của các tình huống); Lưu loát trong từ ngữ (Từ một số từ, một số chữ, các tổ hợp từ trẻ có thể nhanh chóng tạo ra được các câu văn); Lưu loát trong liên tưởng (Đó là sự nhanh chóng tìm ra mối liên tưởng giữa các sự vật với hoàn cảnh cho trước); Lưu loát trong biểu đạt (là khả năng sử dụng ngôn ngữ để biểu đạt các ý tưởng, các khái niệm một cách chính xác, sinh động và nhanh chóng). Tính mềm dẻo còn là khả năng tìm ra nhiều giải pháp khi có một vấn đề đặt ra nhờ sự liên tưởng đến các giải pháp đã có trong vốn kinh nghiệm. Chẳng hạn, khi trẻ vẽ bức tranh về "Chiếc ô tô mơ ước của em", để hoàn thành được, trẻ phải có ý tưởng về chiếc ô tô mà trẻ mơ ước có được trong tương lai như có khả năng bay được trên không hay ngập lặn dưới nước nhưng chiếc ô tô ấy vẫn phải có cấu tạo cơ bản của một chiếc ô tô hiện tại trẻ vẫn nhìn thấy.

- Có tính độc đáo: Được thể hiện ở sản phẩm và cách giải quyết vấn đề khác với trẻ còn lại [tr.23]. Tính độc đáo được thể hiện ở hai yếu tố: Sự hiếm lạ, duy nhất: Đó là khả năng trẻ lựa chọn những tình huống, những sự vật để giải quyết vấn đề khác hẳn với mọi người. Sự liên tưởng xa: Đó là khả năng trẻ đưa ra các liên tưởng mới lạ đối với sự vật hiện tượng có quan hệ không gần gũi với nhau. Hoạt động tạo hình có ưu thế đặc biệt trong việc kích thích trẻ tạo ra những sản phẩm độc đáo, không bị rập khuôn trong những khuôn mẫu sẵn có.

- "Định nghĩa" lại sự vật, hiện tượng theo ý tưởng của trẻ: Là khả năng trẻ tìm ra những dấu hiệu tương đồng giữa sự vật, hiện tượng để có thể định nghĩa, đặt tên lại cho các sự vật hiện tượng mà vẫn không làm mất ý nghĩa, bản chất của nó [tr.24]. Trẻ vẽ lại bức tranh một bữa cơm gia đình với những món ăn quen thuộc nhưng đó có thể là những món ăn mà bằng mắt thường người lớn khó nhận biết được tên từng món ăn. Khi cho trẻ thuyết trình về bức tranh đó, con có thể gọi món ăn đó bằng những tên mới và đặc điểm mới phản ánh đúng như mong ước của trẻ.

Có thể thấy, để đánh giá mức độ sáng tạo của trẻ được xây dựng trên những đặc điểm chung; sự linh hoạt khi tiếp nhận và xử lý thông tin, sự mới mẻ trong cách giải quyết vấn đề và sự mềm dẻo, nhanh nhạy khi gặp tình huống có vấn đề. Từ những tiêu chí khác nhau để đúc kết thành một hệ thống đánh giá mức độ sáng tạo của riêng mình. Ở trường mầm non, khi kết thúc HĐTH, GV thường cho trẻ nhận xét và trưng bày sản phẩm. Nếu lấy hình mẫu, tranh mẫu của cô giáo để so sánh, đánh giá sản phẩm của trẻ thì sẽ không nhìn ra và kích thích được sự sáng tạo của trẻ. Sự sáng tạo của trẻ được biểu hiện thông qua tất cả những đặc điểm trên. Nhiệm vụ của mỗi GV mầm non là hiểu được bản chất của vấn đề và đánh giá toàn diện cả quá trình tạo hình của trẻ.

2.2. Biểu hiện sáng tạo của trẻ mầm non trong HĐTH

Tạo hình là một trong những bộ môn quan trọng nhất trong trường mầm non, là một hoạt động học tập mang tính nghệ thuật, là phương tiện quan trọng trong việc giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ, thể lực và lao động. HĐTH bao gồm nhiều hoạt động như: Vẽ, nặn, xé dán, cắt. Qua HĐTH đã góp phần đáng kể đến việc hình thành ở trẻ những tri thức, ngôn ngữ của trẻ cũng phát triển hoàn thiện cùng cảm xúc, thẩm mỹ, tính kiên trì, bền bỉ, khéo léo, sáng tạo. Trong quá trình sáng tạo của trẻ, sự bất chước đóng vai trò quan trọng, tuy nhiên sự tái hiện lại trong quá trình đó không hoàn toàn giống trong thực tế. Do đó, sự sáng tạo của trẻ là chân thực nhất. Sáng tạo của trẻ bao giờ cũng xuất phát từ nhu cầu đã có trước, một nhu cầu cấp bách tự nhiên và điều kiện tồn tại của trẻ. Trẻ không bao giờ sáng tạo cái gì mà trẻ không biết, không hiểu và không có hứng thú. Trẻ có thể sáng tạo đột nhiên, có cách làm việc tự do, không cần ghi nhớ, không cần sự bất chước, bất kì chỗ nào thiếu trí nhớ, những kỉ niệm bị rạn nứt chỉ còn lại những yếu tố rời rạc thì óc tưởng tượng sẽ móc ghép theo cách riêng, thế là có sáng tạo. Sáng tác của trẻ ít khi nghiền ngẫm lâu về tác phẩm của mình, phần lớn trẻ sáng tác liền một mạch. Trẻ giải quyết nhu cầu sáng tạo của mình nhanh chóng và triệt để những tình cảm đang tràn ngập trong

lòng trẻ. Trẻ không phải ngẫu nhiên tập trung vào việc sáng tạo, mà chính sáng tạo cho phép đứa trẻ ở lứa tuổi này có thể dễ dàng thể hiện hơn hết những điều đang tràn ngập tâm hồn trẻ.

Trong mọi hoạt động của mình trẻ luôn có cảm giác thắc mắc, tò mò cao độ và một sự nỗ lực tự phát nhằm khám phá, thử nghiệm và thao tác theo kiểu độc đáo mang tính trò chơi. Đó là biểu hiện mang tính sáng tạo của trẻ. Sáng tạo của trẻ mang tính chất tổng hợp các lĩnh vực trí tuệ, tình cảm, ý chí và đặc biệt là tưởng tượng sáng tạo được hưng phấn với một sức mạnh trực tiếp của cuộc sống. Chúng ta biết rằng so với người lớn, trí thức và kinh nghiệm của trẻ còn ít ỏi, trí tưởng tượng còn nghèo nàn, hứng thú đơn giản và sơ đẳng hơn nhưng do sự dễ dãi, sự mộc mạc của trí tưởng tượng nên trẻ sống trong thế giới tưởng tượng nhiều hơn, tin vào sản phẩm của trí tưởng tượng nhiều hơn, kiểm tra những sản phẩm ít hơn do đó mà trẻ dễ có những biểu hiện sáng tạo hơn. Sản phẩm sáng tạo của trẻ có thể không hoàn hảo nhưng ưu thế là chúng nảy sinh trong quá trình sáng tạo của trẻ.

Như vậy, sự sáng tạo của trẻ không chỉ được xem xét ở kết quả trong sản phẩm sáng tạo mà còn được nhìn nhận trong bản thân quá trình sáng tạo. Điều quan trọng không hẳn là ở cái mới mà trẻ tạo ra, mà là trẻ đang được sáng tạo, đang được bộc lộ và rèn luyện trong các HĐTH, được tự mình khám phá, tìm tòi, nghĩ ra một cái mới và thể hiện cái mới đó với niềm yêu thích.

2.3. Các biện pháp phát huy tính sáng tạo của trẻ thông qua HĐTH ở trường mầm non

2.3.1. Xây dựng thói quen tích cực trong HĐTH

Để có thể hình thành cho trẻ ước mơ sáng tạo mỹ thuật, việc luyện tập là điều không thể thiếu được và nó chính là cốt lõi của sự thành công mỗi trẻ. Hãy sắp xếp thời gian biểu khoa học để việc luyện tập cho trẻ được diễn ra thường xuyên, đều đặn tạo thành thói quen sinh hoạt hàng ngày nhằm nuôi dưỡng “chồi non nghệ thuật” cho trẻ.

Nếp học là một bước cơ bản tạo nên thành công của tiết học, nếu chúng ta không đưa trẻ vào nề nếp thì giờ học không đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó GV cần tìm hiểu, nắm bắt được tâm lý và sở thích của từng trẻ, cùng với sự có nề nếp tốt của trẻ và sự hướng dẫn khoa học của cô, ngay từ ban đầu trẻ đã say mê với giờ học, luôn thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng cho hoạt động nghệ thuật GV nên: Xếp xen kẽ cháu mạnh dạn với cháu nhút nhát, cháu nam với cháu nữ, chia tổ đặt tên tổ và bầu ra tổ trưởng để dễ quản lý, nhắc nhở thành viên của tổ mình.

GV phải luôn động viên trẻ trong quá trình tổ chức hoạt động, uốn nắn cách ngồi học của trẻ cho trẻ ngồi đúng tư thế. Trẻ chủ động tích cực được nói lên ý kiến của mình, có câu hỏi định hướng tạo cho trẻ phát huy tính tích cực sáng tạo, làm cho trẻ mạnh dạn hơn.

2.3.2. Đổi mới các HĐTH cho trẻ qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm phong phú, đa dạng

HĐTH cần biết khuyến khích trẻ quan sát, nhận xét các sự vật hiện tượng thiên nhiên giúp trẻ bị thu hút vào vẻ đẹp tinh tế của thiên nhiên, tâm hồn trẻ sẽ tràn ngập niềm vui sướng khi tiếp xúc với thiên nhiên từ đó sự sáng tạo sẽ phát huy một cách tích cực nhất khi trẻ được học bằng các trải nghiệm thực tế gắn với cuộc sống của mình. Trên thực tế, để thực hiện điều này là một khó khăn không nhỏ đối với giáo viên, tuy nhiên không thể phủ nhận những giá trị to lớn nó mang lại cho trẻ. Phương thức này giúp trẻ nhận thức cũng như lĩnh hội các kiến thức sâu hơn về thế giới xung quanh, từ đó kích thích cho trẻ tinh thần ham học hỏi, là cơ sở nền tảng cho các hoạt động sáng tạo.

Để có các HĐTH ý nghĩa và hiệu quả, người GV cần hiểu được giá trị của mỗi loại hình trải nghiệm và sở thích học tập của trẻ, từ đó xây dựng nên được những trải nghiệm phù hợp, đa dạng các lĩnh vực như: trải nghiệm thiên nhiên, trải nghiệm ngôn ngữ, trải nghiệm chất liệu....

2.3.3. Tạo ra môi trường cho trẻ sáng tạo

- Thiết kế “không gian sáng tạo”

Một không gian sáng tạo có thể được thiết kế ngoài trời cũng như trong nhà, nó mang lại cơ hội cho trẻ sử dụng các kỹ năng và trải nghiệm trong những bối cảnh khác nhau từ đó tạo nên những liên kết trong học tập của mình.

Với không gian trong trường học trẻ em có thể sử dụng nguồn nguyên vật liệu sáng tạo: sử dụng vật liệu nghệ thuật để sáng tạo (nặn, vẽ, làm thủ công...) và lưu trữ lại các sản phẩm. Bên cạnh đó, lý tưởng hơn cả với một không gian sáng tạo khi xây dựng được “xưởng nghệ thuật” cho trẻ, được thiết

kế và lắp đầy bởi các nguyên vật liệu khác như đất sét, sơn, màu nghệ thuật, vật liệu thiên nhiên...giúp trẻ được trải nghiệm và phát huy một cách tích cực nhất những suy nghĩ và nâng cao thẩm mỹ về các chất liệu khi tham gia vào các dự án khác nhau.

- Cung cấp các vật liệu phong phú và độc đáo

Thông thường trong các tiết học tạo hình (vẽ, nặn) trẻ sẽ được sử dụng như bút màu, giấy màu, giấy trắng, đất nặn – đó là những đồ dùng phổ biến, không gây được nhiều ấn tượng cho trẻ. Việc GV sử dụng những vật liệu mới lạ (như dùng các khuôn vẽ đĩa giấy có sẵn hay tấm mảnh, tấm gỗ thay cho giấy vẽ...) sẽ mang lại sự sáng tạo và độc đáo hơn. Đối với trẻ mầm non, nguồn tài nguyên mở cung cấp điểm khởi đầu thú vị cho tất cả cá ý tưởng sáng tạo đó là khi chúng có trong tay những nguyên liệu tốt.

Đưa vật liệu thiên nhiên hay các nguyên vật liệu khác nhau vào quá trình tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non cần có nhiều các giải pháp và cách thức khác nhau, nhưng có thể nói đây là “cầu nối” để giúp cho HĐTH của trẻ thêm hứng thú, góp phần nuôi dưỡng những xúc cảm thẩm mỹ và tình cảm thẩm mỹ mới lạ ở trẻ, từ đó giúp trẻ khám phá và sáng tạo nên những giá trị mới trong cuộc sống.

2.3.4. Lồng ghép, tích hợp các hoạt động khác vào HĐTH để tạo hứng thú cho trẻ

Ngoài HĐTH trong trường mầm non còn có những hoạt động khác như âm nhạc (hát, múa), toán, tìm hiểu môi trường xung quanh, tiếng Việt, kể chuyện... Những hoạt động này có quan hệ chặt chẽ với nhau và bổ sung cho nhau. Tích hợp là đòi hỏi ở GV sự sáng tạo, linh hoạt và khéo léo, khi vận dụng tích hợp cần lựa chọn nội dung phù hợp logic, tránh quá trình hoạt động trở nên rời rạc, chắp vá. Tích hợp bằng cách đưa các bài đồng dao, ca dao, bài thơ, bài hát hay câu đố vào trong HĐTH không chỉ để tạo hứng thú cho trẻ mà còn làm cho các bước chuyển tiếp trở nên mềm dẻo, tạo cho trẻ cảm giác thoải mái an toàn, không gò bó cứng nhắc, không làm cho trẻ chán nản, mệt mỏi khi học... Với tiết học nặn các loại đồ chơi thì GV chuẩn bị đầy đủ các loại đồ chơi, ngoài ra chuẩn bị thêm tranh ảnh thật chiếu lên màn hình cho trẻ quan sát. Ngoài ra GV nên chuẩn bị một gian hàng trưng bày đồ chơi trẻ em và một số mẫu nặn đẹp. Sau khi trẻ được quan sát một số hình ảnh qua giáo án điện tử và được sự hướng dẫn của cô trẻ đã hoàn thành bài tập của mình.

3. Kết luận

Tạo hình là một trong những hoạt động quan trọng trong trường mầm non; là một hoạt động học tập có chủ đích mang tính nghệ thuật; là phương tiện quan trọng trong việc giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ, thể lực và lao động. Đây là hoạt động có tác dụng to lớn trong việc giáo dục, phát triển và hình thành nhân cách cho trẻ mầm non; phát triển các chức năng tâm lý; giáo dục trẻ tình yêu đối với con người, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp...; hình thành ở trẻ những kĩ năng, kĩ xảo, năng lực quan sát, phát triển trí nhớ, trí tưởng tượng, sáng tạo, phát triển khả năng tri giác về hình dáng, cấu trúc, màu sắc của đồ vật bằng mắt một cách có mục đích.

Thông qua HĐTH trẻ có cơ hội tìm hiểu, nghiên cứu các đối tượng miêu tả để có được hiểu biết, hình dung về đối tượng đó, từ đó trẻ xây dựng các đối tượng giúp tăng thêm vốn hiểu biết của trẻ. Khi tham gia các HĐTH, trẻ tái tạo lại bằng hình tượng của đồ vật, hình tượng quen thuộc mà trước đó trẻ đã tri giác được. Trong trường mầm non, HĐTH chính là phương tiện để trẻ thể hiện mình, thông qua nghệ thuật tạo hình trẻ được thử sức mình trong việc thể hiện và sáng tạo thế giới riêng theo tư duy của mình. Đây là hoạt động có ưu thế đặc biệt trong việc kích hoạt tính sáng tạo của trẻ - một thao tác quan trọng của tư duy. Khi trẻ sáng tạo, tư duy của trẻ được phát triển, là tiền đề để tạo ra những cái mới, những phát minh khoa học trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thanh Thủy, *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội, 2008.
2. Lê Hồng Vân, *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, quyển III*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
3. Tạ Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Thu, *Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
4. Đào Thanh Âm (chủ biên) Trịnh Dân, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang, *Giáo dục học Mầm non, tập ba*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009.
5. Lê Huy Hoàng, *Sáng tạo và những điều kiện chủ yếu để kích thích sự sáng tạo của con người Việt Nam hiện đại*, NXB Khoa học xã hội, 2002.
6. Huỳnh Văn Sơn, *Tâm lý học sáng tạo*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
7. Đinh Thị Thanh Hà, *Một số biện pháp phát huy tính sáng tạo cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua hoạt động nặn ở trường mầm non*, Trường đại học Quảng Bình

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

DƯƠNG THU TRANG
Khoa Giáo dục Tiểu học,
Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Nhận bài ngày 02/3/2023. Sửa chữa xong 07/3/2023. Duyệt đăng 12/3/2023.

Abstract

Teachers in the context of digital transformation are required to have the ability to harness information technology (IT) to guide learners in developing knowledge acquisition skills. The article clarifies related concepts, generalizes the benefits and core roles of IT application capacity, thereby helping teachers to use and apply effectively in teaching and educational activities, developing professional capacity through self-improvement and self-education.

Keywords: Capacity, IT applications, primary school.

1. Đặt vấn đề

Chúng ta đang sống trong một thời đại mới, thời đại công nghệ 4.0. Công nghệ thông tin (CNTT) là một lĩnh vực đột phá có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. CNTT đã ở một bước phát triển cao đó là số hóa tất cả mọi dữ liệu thông tin, luân chuyển mạnh mẽ và kết nối tất cả chúng ta với nhau. Cùng với sự phát triển của thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, CNTT cũng có bước tiến mạnh mẽ trong hầu hết các lĩnh vực. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) nó có tác dụng làm thay đổi mạnh mẽ phương pháp, phương thức dạy - học, đó thực sự là một "Cuộc cách mạng công nghệ trong giáo dục". Để đạt được mục tiêu đó, trong những năm gần đây việc sử dụng CNTT vào dạy - học đã và đang trở thành một xu thế phát triển mạnh mẽ ở các trường học, cấp học.

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT vào quá trình dạy học, nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng "Chuẩn hóa hiện đại hóa". Thủ tướng chính phủ đưa ra Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GD&ĐT giai đoạn 2016-2020 định hướng đến năm 2025" nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đẩy mạnh triển khai chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản lý điều hành của cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT ở trung ương và các địa phương; đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học và công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng GD&ĐT. Việc đổi mới SGK trong giai đoạn 2021-2025 cũng đi đôi với đổi mới phương pháp dạy học. Vì vậy việc sử dụng CNTT trong dạy học là một phương tiện hiệu quả, mở ra một không gian mới giúp cho giáo viên (GV) tiểu học sáng tạo nhiều hơn trong công tác giảng dạy mang đến cho HS những bài học sống động gần gũi. Khai thác hiệu quả những lợi ích mà CNTT mang lại trong quá trình dạy học và công tác là một trong những yếu tố nâng cao chất lượng dạy học trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Công nghệ thông tin

Theo Nghị quyết Chính phủ 49/CP (1993): "CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương

Email: 245dtt@gmail.com

tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại - chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông - nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội”.

Tại Điều 4 – Luật CNTT năm 2006, CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số [3].

2.1.2. Ứng dụng công nghệ thông tin

Tại Điều 4 – Luật CNTT năm 2006, Ứng dụng CNTT là việc sử dụng CNTT vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này. Theo UNESCO, sự tích hợp hiệu quả của ICT trong trường học và lớp học có thể biến đổi tư phạm và trao quyền cho sinh viên. Tích hợp thành công ICT vào dạy và học đòi hỏi phải xem xét lại vai trò của GV và cải cách sự chuẩn bị và phát triển chuyên môn của họ. Nó kêu gọi thúc đẩy một nền văn hóa chất lượng về tất cả các khía cạnh của nó: hỗ trợ nhân viên, hỗ trợ sinh viên, thiết kế chương trình giảng dạy, thiết kế khóa học, phân phối khóa học, lập kế hoạch chiến lược và phát triển [4].

2.1.3. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin

Theo Neely (2015), năng lực có thể được định nghĩa là sự kết hợp giữa con người, thực tiễn, công nghệ và cơ sở hạ tầng của một tổ chức, đại diện cho khả năng của tổ chức để tạo ra giá trị cho các bên liên quan thông qua một phần hoạt động khác nhau.

Theo định nghĩa Năng lực trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018: Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ vào các tổ chất và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kinh nghiệm, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện đạt kết quả các hoạt động trong những điều kiện cụ thể [1].

Còn theo Newhouse (2013) định nghĩa là năng lực ứng dụng CNTT là khả năng sử dụng kiến thức và kỹ năng CNTT để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan. Theo DigCompEdu năng lực kỹ thuật số của các nhà giáo dục được thể hiện trong khả năng sử dụng công nghệ kỹ thuật số không chỉ để tăng cường giảng dạy, mà còn cho các tương tác chuyên nghiệp của họ với đồng nghiệp, người học, phụ huynh và các bên quan tâm khác, cho sự phát triển chuyên môn cá nhân của họ và cho sự đổi mới tập thể và liên tục trong tổ chức và nghề giảng dạy [5].

Trong phạm vi của nghiên cứu này, tôi đồng nhất quan điểm năng lực CNTT trong dạy học là thuộc tính cá nhân cho phép người GV huy động các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại - chủ yếu là kỹ thuật máy móc và viễn thông - tổ chức khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học.

2.2. Vai trò và lợi ích của CNTT với hoạt động giáo dục

Trong các văn kiện của Đảng và Chính phủ đã khẳng định rõ tầm quan trọng của CNTT trong GD&ĐT. Từng năm học, Bộ GD&ĐT cũng luôn đưa ra nhiệm vụ Công nghệ thông tin và được các Sở GD&ĐT, các Trường cụ thể hóa bằng các kế hoạch cụ thể. Đó là những minh chứng cụ thể khẳng định tầm quan trọng to lớn của việc ứng dụng CNTT trong sự nghiệp giáo dục đào tạo hiện nay.

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông mới và từ vai trò của CNTT với hoạt động giáo dục đòi hỏi đội ngũ GV cần có những chuẩn bị, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nói chung và năng lực, kỹ năng sử dụng CNTT nói riêng để đáp ứng được yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông mới.

CNTT có vai trò rất quan trọng trong dạy học, giáo dục, có thể phân tích một số vai trò cơ bản như sau:

2.2.1. Đa dạng hóa hình thức dạy học, giáo dục

CNTT tạo điều kiện để đa dạng hóa hình thức dạy học, giáo dục, đáp ứng mục tiêu học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập dựa trên sự kích hoạt mối tương tác xã hội, khuyến khích sự tham gia của các nhà giáo dục và chuyên gia, tạo dựng một cộng đồng chia sẻ thông tin và nguồn tài nguyên học tập trong dạy học, giáo dục có trách nhiệm. Nhiều khóa học đã được xây dựng với những hình thức khác nhau, nhưng

tựu trung lại có thể phân loại thành: dạy học trực tiếp hoàn toàn, dạy học trực tiếp có ứng dụng CNTT, dạy học trực tuyến hỗ trợ dạy học trực tiếp, hoàn toàn dạy học trực tuyến thay thế dạy học trực tiếp.

CNTT còn hỗ trợ GV chuẩn bị cho việc dạy học, giáo dục, xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục cụ thể là kế hoạch bài dạy, làm cơ sở quan trọng cho việc tổ chức quá trình dạy học trong/ngoài lớp học một cách tích cực, hiệu quả. Cụ thể như, CNTT hỗ trợ người học thiết kế kế hoạch bài dạy triển khai bằng các phần mềm, khai thác các phần mềm để tổ chức dạy học bằng trò chơi, thực hành mô phỏng, thực hành thi đua nâng cao hứng thú HS cũng như rèn luyện kỹ năng người học một cách chủ động thông qua các cải tiến về hình thức dạy học.

2.2.2. Tạo điều kiện học tập đa dạng cho HS

CNTT tạo điều kiện để người học khám phá tích cực và chủ động nguồn tri thức, tương tác với người dạy qua các thao tác để phát triển năng lực của bản thân một cách hiệu quả, không chỉ là năng lực nhận thức, năng lực thực hành có liên quan đến tri thức, kỹ năng mà còn năng lực CNTT và các phẩm chất có liên quan. Nhờ CNTT với các tính năng của nó, người học sẽ có thể tự học và chọn lựa thông tin phù hợp để phát triển bản thân. Thông qua đó, người học cũng có điều kiện để khám phá chính mình, hoàn thiện bản thân với những tri thức, kỹ năng còn hạn chế bằng cách thay đổi chính mình. CNTT đặc biệt kích thích hứng thú học tập của HS, khuyến khích HS tư duy dựa trên nền tảng khám phá, thử nghiệm, có cơ hội phát triển năng lực thực tiễn, nhất là các kỹ năng phức tạp, các năng lực tổng hợp thông qua các điều kiện học tập đa dạng: học tập trực tiếp có ứng dụng CNTT, học tập trên lớp học ảo, thí nghiệm ảo. Hỗ trợ GV tiểu học thực hiện dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực (PC, NL) của HS một cách thuận lợi và hiệu quả.

Dưới góc nhìn khái quát, CNTT sẽ hỗ trợ hoạt động dạy học của GV, nhất là thực hiện dạy học phát triển PC, NL của HS một cách thuận lợi và hiệu quả trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam, một trong những tiêu điểm quan trọng là thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Có thể tóm tắt về vai trò hỗ trợ GV tiểu học thực hiện dạy học, giáo dục phát triển PC, NL của HS. Cụ thể, CNTT hỗ trợ GV chuẩn bị cho việc dạy học, giáo dục, xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục cụ thể là kế hoạch bài dạy, làm cơ sở quan trọng cho việc tổ chức quá trình dạy học trong/ngoài lớp học một cách tích cực, hiệu quả.

Song song đó, CNTT giúp điều chỉnh vai trò của người dạy và người học trong thực tiễn giáo dục nhằm hỗ trợ GV tiểu học thực hiện hiệu quả dạy học, giáo dục phát triển PC, NL của HS bằng việc thực thi tổ chức hoạt động học một cách tích cực, chủ động. Người dạy có thể là một người điều hành; người tổ chức (không còn là trung tâm của dạy học); người học là chủ thể có thể khai thác, sử dụng các nguồn học liệu, thiết bị công nghệ, phần mềm trong học tập nhằm phát triển hiệu quả NL và PC của mình hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống ở thời đại số. Sự tương tác này vừa tạo những điều kiện thuận lợi để hoạt động dạy học, giáo dục diễn ra trong thực tiễn, vừa đảm bảo các yêu cầu về hiệu quả mong đợi.

2.2.3. Tạo điều kiện tự học, tự bồi dưỡng của GV

CNTT còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển GV, góp phần đáp ứng các yêu cầu mới của việc dạy học, giáo dục:

Hỗ trợ việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phát triển nghề nghiệp trước và sau khi trở thành người GV chính thức; kết nối với cơ sở đào tạo, trường đại học sư phạm và cộng đồng GV dài lâu và hiệu quả. Góp phần cải thiện kỹ năng dạy học, quản lý lớp học, cải tiến và đổi mới việc dạy học, giáo dục đối với GV bằng sự hỗ trợ thường xuyên và liên tục với những hình thức khác nhau. Giúp GV sử dụng hiệu quả nguồn học liệu, thiết bị công nghệ, công cụ phần mềm một cách hiệu quả trong hoạt động dạy học, giáo dục theo định hướng mới, kỹ năng mới từ đó phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua việc tự bồi dưỡng và tự giáo dục và hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp

Việc ứng dụng CNTT trong dạy học, giáo dục có một số lợi ích, đặc điểm:

- Tính hiệu quả: tương xứng với chi phí đầu tư ban đầu, việc ứng dụng CNTT giúp quá trình dạy học, giáo dục trở nên thuận tiện hơn, hướng đến hiệu quả mong đợi, lâu dài. HS có thể chủ động tìm kiếm, thu thập, xử lý dữ liệu để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- Tính đồng bộ: việc khai thác, ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục có

sự đồng bộ từ cấp Bộ GD&ĐT đến các địa phương, cơ sở giáo dục phổ thông thông qua các chỉ đạo thống nhất về: 1) Mô hình ứng dụng CNTT, 2) Mức tối thiểu cơ sở hạ tầng và thiết bị CNTT, 3) Nguồn, dạng và dữ liệu, 4) Hình thức tổ chức, quản lý và vận hành hệ thống quản lý dữ liệu. Nhờ đó, việc định dạng, lưu trữ, khai thác dữ liệu về GV, HS và những dữ liệu khác liên quan quá trình dạy học, giáo dục có tính thống nhất trong cả nước. Nhờ tính đồng bộ, thống nhất mà việc ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá, tổ chức các kì thi, xử lý kết quả với quy mô lớn được các bên liên quan phối hợp thực hiện nhịp nhàng, hiệu quả.

- Tính thông minh: không chỉ hỗ trợ GV, HS tìm kiếm, xử lý thông tin, việc ứng dụng CNTT còn cho phép tạo ra các sản phẩm hỗ trợ, thay thế các mô hình động, các thí nghiệm ảo, các chuyến du hành khám phá ảo mà việc thực hiện trực tiếp có nhiều khó khăn. Các sản phẩm công nghệ mới không ngừng được cải tiến, cập nhật, dễ khai thác hơn, nhiều chức năng hơn. Từ đó, đặc tính này đáp ứng nhu cầu hiện tại, định hình xu hướng phát triển về mục tiêu, nội dung, hình thức, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục ở tương lai để đáp ứng nhu cầu phát triển không ngừng của con người.

2.3. Một số giải pháp phát triển năng lực ứng dụng CNTT trong giảng dạy cho GV tiểu học

Theo chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động chính của người GV, năng lực sư phạm của GV tiểu học bao gồm các nhóm: Năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực tổ chức các hoạt động sư phạm. Hiện nay, Chương trình giáo dục cấp TH theo yêu cầu đổi mới (2018) được xây dựng theo hướng hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực HS. Nội dung dạy học có tính tích hợp cao, phương pháp dạy học để cao việc phát hiện, giải quyết vấn đề, hợp tác, trải nghiệm, sáng tạo, tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học (2021) đã xác định một trong những tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của GV tiểu học hiện nay là năng lực ứng dụng CNTT trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Như vậy, năng lực CNTT là yếu tố hỗ trợ đắc lực cho GV tiểu học trong thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của GV.

Từ quan điểm cá nhân, dựa trên những nhiệm vụ và xác định năng lực của GV tiểu học để đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển năng lực ứng dụng CNTT trong giảng dạy cho GV tiểu học

2.3.1. Tổ chức các chuyên đề học tập, phát triển kỹ năng sử dụng CNTT từ cơ bản tới nâng cao

Để thực hiện các chuyên đề bồi dưỡng có hiệu quả cần các thực hiện các bước sau: xây dựng các yêu cầu mà GV cần đạt, khảo sát nhu cầu của GV, phân chia các nhóm có năng lực tương đương nhau để bồi dưỡng có hiệu quả, tiến hành xây dựng kế hoạch, nội dung cần bồi dưỡng, nên chia thành bồi dưỡng cơ bản và bồi dưỡng chuyên sâu. Về cơ bản, sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu, biết cách sử dụng ít nhất một phần mềm cắt ghép, chỉnh sửa video. Biết khai thác và sử dụng Internet để tìm kiếm, khai thác tài liệu, tư liệu phục vụ cho quá trình soạn bài giảng cũng như quá trình giảng dạy. Về chuyên sâu, mỗi GV từng bộ môn phải biết cách sử dụng từ một đến hai phần mềm hỗ trợ dạy học riêng bộ môn đó. Sau khi xây dựng kế hoạch cần đưa ra lộ trình để bồi dưỡng cho GV, thời gian thích hợp nhất có thể là vào ngày chủ nhật hoặc vào giai đoạn GV nghỉ hè.

2.3.2. Khai thác triệt để các thiết bị công nghệ, học liệu số và phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học, giáo dục

Mỗi môn học ở cấp Tiểu học đều giúp HS hình thành và phát triển những năng lực chung và năng lực đặc trưng. Từ các đặc trưng của môn học đã phân tích, việc ứng dụng CNTT cần đảm bảo khai thác các đặc trưng này như một cơ sở quan trọng. Việc ứng dụng CNTT trong tổ chức dạy học môn này vừa phải hướng đến các yêu cầu cần đạt nhưng cũng cần đảm bảo tuân thủ các đặc trưng trên để tính chất thẩm mĩ và ứng dụng của môn học vẫn thể hiện trong mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Để lựa chọn phần mềm phù hợp, cần phải xét đến các yếu tố cơ bản sau đây: Loại nội dung dạy học cần hoặc phải được sử dụng ở dạng học liệu số; Tính năng, ưu điểm và hạn chế của phần mềm; Điều kiện triển khai.

Để thiết kế, biên tập được học liệu số nội dung dạy học nên thực hiện 3 bước sau: Bước 1: Xác định dạng học liệu số phù hợp với yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học cụ thể; Bước 2: Lựa chọn nguồn học liệu số phù hợp để sử dụng cho việc thiết kế, biên tập nội dung dạy học; Bước 3: Lựa chọn, sử dụng phần mềm để thiết kế, biên tập nội dung dạy học.

Sau khi thiết kế, biên tập học liệu số phù hợp cho hoạt động học GV cần triển khai việc sử dụng học liệu số đó vào quá trình tổ chức hoạt động học nhờ sự hỗ trợ của thiết bị công nghệ và phần mềm phù hợp. Chẳng hạn, với loại học liệu số dạng video, GV có thể triển khai video này bằng *MS-PowerPoint* trong hình thức dạy học trực tiếp hoặc bằng *Youtube*, *Google Classroom* trong hình thức dạy học trực tuyến.

Việc sử dụng và kết hợp sử dụng các phần mềm phụ thuộc nhiều vào bối cảnh dạy học. Mỗi phần mềm có nhiều tính năng khác nhau, từ đơn giản đến phức tạp,... cũng chính điều này lại giúp GV và HS có nhiều cơ hội lựa chọn, sử dụng được phần mềm phù hợp với yêu cầu dạy học và bối cảnh dạy học.

2.3.3. Sử dụng giải pháp nhóm nòng cốt, hỗ trợ tích cực GV vận dụng và ứng dụng CNTT

Trong thực tế hiện nay, GV cốt cán phải hỗ trợ số lượng khá lớn GV đại trà do vậy việc theo dõi, giám sát, hỗ trợ trực tiếp sẽ gặp khó khăn. GV cốt cán cần xây dựng một nhóm nhỏ để cùng hỗ trợ cho GV đại trà ngay trong cơ sở đào tạo tại chỗ, hoặc tại địa phương. Điều quan trọng nhất là sử dụng các biện pháp phù hợp với sự chủ động từ GV cốt cán cũng như GV đại trà để có thể đảm bảo hiệu quả hỗ trợ đạt như mong đợi: Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua tổ chức khóa bồi dưỡng tập trung; Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua tổ chức bồi dưỡng qua mạng; Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn; Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua mô hình hướng dẫn đồng nghiệp.

2.3.4. Tổ chức các cuộc thi giảng dạy có sử dụng CNTT trong đổi mới phương pháp

- Thường xuyên có các đợt thi đua đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng CNTT thông qua hoạt động của công đoàn hoặc đoàn thanh niên;

- Lồng ghép các đợt bồi dưỡng kiến thức giáo dục phổ thông mới với kỹ năng CNTT cho GV cũng là một hoạt động tạo hiệu quả tốt cho việc ứng dụng CNTT;

- Nâng cấp trang thiết bị CNTT ở cơ sở đào tạo, từng tổ, bộ môn, tạo môi trường thuận lợi hơn nữa để GV tích cực hơn trong việc ứng dụng CNTT. Cần thường xuyên sử dụng CNTT trong dạy học, GV càng tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tế giảng dạy hơn, từ đó năng lực ứng dụng CNTT cũng được nâng lên;

- Khuyến khích GV kết nối vào mạng Internet để khai thác và tìm kiếm tài nguyên an toàn và hiệu quả, đúng pháp luật;

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra năng lực ứng dụng CNTT của GV, đồng thời có nhiều hình thức đánh giá ghi nhận, khích lệ những thành quả mà GV đã đạt được để động viên họ tích cực nâng cao năng lực ứng dụng CNTT.

3. Kết luận

Có thể thấy, sự tích hợp hiệu quả của CNTT trong trường học và lớp học có thể biến đổi sự phạm và mang lại rất nhiều lợi ích cho học sinh. Trong bối cảnh đó, điều cần thiết là GV phải có năng lực tích hợp CNTT trong thực tiễn chuyên môn của họ để đảm bảo công bằng và chất lượng học tập. GV trong bối cảnh chuyển đổi số yêu cầu phải có khả năng khai thác CNTT để hướng dẫn người học phát triển các kỹ năng lĩnh hội tri thức như tư duy phản biện và đổi mới, giải quyết vấn đề phức tạp, khả năng cộng tác và kỹ năng cảm xúc xã hội. Để góp phần giải quyết thực tiễn trên, bài báo đã làm rõ các khái niệm liên quan; khái quát được những lợi ích, vai trò cốt lõi của năng lực ứng dụng CNTT; từ đó giúp GV khai thác, sử dụng và ứng dụng một cách hiệu quả trong hoạt động dạy học, giáo dục theo định hướng mới, kĩ năng mới từ đó phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua việc tự bồi dưỡng, tự giáo dục và hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- [2] Vũ Xuân Hùng (2012), *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Quyết định số 4977/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 về việc thành lập "Ban Chỉ đạo chuyển đổi số Bộ Giáo dục và Đào tạo"*.
- [4] UNESCO (2018), *ICT Competency Framework for Teachers Version 3 (Khung năng lực công nghệ thông tin cho giáo viên – phiên bản 3)*, United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization 7, place de Fontenoy, 75352 Paris 07 SP, France. Nguồn: <http://en.unesco.org/open-access/terms-use-ccbysa-en>.
- [5] DigCompEdu (2017), *European Framework for the Digital Competence of Educators (Khung châu Âu về năng lực kỹ thuật số của các nhà giáo dục)*, Publications Office of the European Union, Luxembourg.

MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC MÔN MỸ THUẬT PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

DƯƠNG THU TRANG
Khoa Giáo dục Tiểu học,
Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Nhận bài ngày 13/11/2021. Sửa chữa xong 20/11/2021. Duyệt đăng 13/12/2021.

Abstract

Modern teaching trends make a series of requirements on elements of teaching activities, in which special attention is paid to teaching methods and teaching techniques to develop quality and competence for learners. With the primary school Fine Arts subject, active teaching methods and techniques have special significance in encouraging students' participation in the teaching process, stimulating thinking, creativity and collaborative student work. This is also an important "tool" that contributes to the development of students' qualities and capacity.

Keywords: Quality, Capacity, Teaching Techniques, Elementary school fine arts.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực (PC, NL) dần trở nên phổ biến trên thế giới. Dạy học phát triển PC, NL thể hiện sự quan tâm tới việc người học làm được gì sau quá trình đào tạo chứ không thuần túy là chỉ biết được gì; dạy học phát triển PC, NL quan tâm tới người dạy sẽ dạy như thế nào để hình thành PC, NL của người học với mong muốn người học biết càng nhiều, càng sâu, chứ không phải chỉ là dạy nội dung gì cho người học. Dạy học hiện đại đặt ra hàng loạt các yêu cầu đối với các thành tố của hoạt động dạy học, trong đó đặc biệt lưu tâm đến phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học phát triển PC, NL cho người học. Xu hướng hiện đại về phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển PC, NL hiện nay dựa trên nền tảng khai thác các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực đã áp dụng thành công trong thực tiễn, được sử dụng nhằm phát triển PC, NL của người học một cách tối ưu.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Mỹ thuật là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật, được tổ chức giảng dạy từ tiểu học đến trung học phổ thông. So với chương trình hiện hành, chương trình môn Mỹ thuật 2018 giữ nguyên tên môn học nhưng có sự mở rộng phạm vi dạy học. Môn Mỹ thuật ở nhà trường với mục tiêu trọng tâm là khơi gợi và phát triển học sinh (HS) năng lực Mỹ thuật - biểu hiện của năng lực thẩm mỹ với các thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ. Đồng thời, môn học này cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác nhằm hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); đặc biệt là giáo dục ý thức tôn trọng, kế thừa giá trị văn hoá, nghệ thuật dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mỹ thời đại, phát huy tinh thần sáng tạo phù hợp với sự phát triển xã hội.

Xu hướng hiện đại về phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển PC, NL của HS dựa trên những thành tựu ban đầu về việc áp dụng thành công các phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển PC, NL. Điều này đáp ứng yêu cầu về mô hình nhân cách của HS hiện nay cũng như cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Việt Nam: giúp người học làm chủ kiến thức phổ thông; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời; có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp; biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội;

có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú; nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kỹ thuật dạy học là gì? Yêu cầu lựa chọn và sử dụng kỹ thuật dạy học phát triển phẩm chất năng lực

2.1.1. Kỹ thuật dạy học

Kỹ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của giáo viên (GV) trong các tình huống cụ thể nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các kỹ thuật dạy học chưa phải là các phương pháp dạy học (PPDH) độc lập mà là những thành phần của PPDH [11, tr. 69]. Ví dụ, trong dạy học hợp tác có các kỹ thuật dạy học như: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật các mảnh ghép, ...

Các kỹ thuật dạy học tích cực có ý nghĩa đặc biệt trong việc khuyến khích sự tham gia của HS vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sáng tạo và cộng tác làm việc của HS. Đây cũng chính là “công cụ” quan trọng góp phần phát triển phẩm chất, năng lực của HS. Một số kỹ thuật dạy học tích cực có thể được áp dụng thuận lợi trong làm việc nhóm, tuy nhiên chúng cũng có thể được kết hợp thực hiện trong các hình thức dạy học toàn lớp. Có những kỹ thuật dạy học sử dụng được ở các môn học hoạt động giáo dục khác nhau nhưng cũng có những kỹ thuật dạy học sử dụng đặc thù của môn học cụ thể. Điều này cho thấy, ngoài việc đầu tư lựa chọn PPDH, giáo viên cũng cần quan tâm đến việc lựa chọn kỹ thuật dạy học với các tiêu chí nhất định. Tuy nhiên, như đã nói, giữa PPDH và kỹ thuật dạy học có mối quan hệ mật thiết, do đó việc lựa chọn PPDH hay kỹ thuật dạy học không thể tách rời, có thể bắt đầu từ việc lựa chọn PPDH với hàng loạt kỹ thuật dạy học có thể thực hiện trong PPDH đó rồi tiếp tục với việc lựa chọn các kỹ thuật dạy học phù hợp trong từng tình huống nhất định [15, tr. 70].

2.1.2. Yêu cầu lựa chọn và sử dụng kỹ thuật dạy học phát triển PC, NL

Xu hướng hiện đại về phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển PC, NL hiện nay đặt ra các yêu cầu khá đa dạng và phong phú. Tuy vậy, trên bình diện chung, có thể đề cập đến các yêu cầu lựa chọn và sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học phát triển PC, NL như sau:

- Lựa chọn, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học rèn luyện phương pháp học, hình thành kĩ năng tự học, kĩ năng nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng hứng thú và lòng say mê học tập cho HS như dạy học bằng sơ đồ tư duy, công não, dạy học dựa trên dự án... Các phương pháp, kỹ thuật dạy học đề cập ở xu hướng này không những góp phần triển khai các hoạt động học trong chuỗi hoạt động học hiệu quả mà còn tỏ ra rất hiệu quả nhằm phát triển các PC, NL của HS.

- Lựa chọn, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức; phát triển tư duy sáng tạo ở HS như dạy học khám phá, dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp trò chơi... Xu hướng sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS đòi hỏi GV phải là người thiết kế, tổ chức thật hiệu quả dựa trên khả năng dự báo, dự đoán hoạt động của HS. Hơn thế nữa, việc tương tác tích cực và hiệu quả với HS là yêu cầu quan trọng ở xu hướng sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học này bởi những đặc trưng của chúng.

- Lựa chọn, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hình thành và phát triển kĩ năng thực hành; phát triển khả năng giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống như phương pháp thực hành, phương pháp thực nghiệm... Việc phát triển các kĩ năng thực hành, khả năng ứng dụng của HS đòi hỏi GV phải có năng lực thực tiễn, cũng như năng lực “sự phạm hóa” môi trường thực tiễn để phát huy khả năng, cảm xúc, hứng thú của HS thông qua đó phát triển PC, NL.

- Lựa chọn, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học gắn liền với các phương tiện dạy học hiện đại. Xu hướng này phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa phương pháp, kỹ thuật dạy học và phương tiện dạy học. GV cần phải khai thác các phương tiện dạy học, đặc biệt là các phương tiện hiện đại như các ứng dụng, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông nhằm đạt hiệu quả tối ưu

trong dạy học. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông là xu hướng tỏ ra ưu thế trong dạy học hiện nay cũng như dạy học phát triển PC, NL bởi thông qua công nghệ thông tin và truyền thông, chuỗi hoạt động học diễn ra một cách hữu hiệu [8, tr. 70]. Hơn thế nữa, khi tiếp xúc, khám phá, làm chủ công nghệ thông tin và truyền thông, HS có cơ hội phát triển các năng lực có liên quan cũng như phát triển các phẩm chất để đảm bảo sự thích ứng.

Chiều hướng lựa chọn và sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới, tiên tiến nhằm phát triển PC, NL không tách rời nhau mà bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển PC, NL người học. Do đó, không quan trọng việc các phương pháp, kỹ thuật dạy học thuộc về chiều hướng này hay chiều hướng kia mà quan trọng là việc lựa chọn được các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp với khả năng của HS, của GV; tính chất của hoạt động cụ thể trong chuỗi hoạt động học hay kế hoạch dạy học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu phát triển PC, NL đã đề ra.

2.2. Các kỹ thuật dạy học tích cực môn Mỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật khăn trải bàn

Kỹ thuật khăn trải bàn là cách thức tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. HS sử dụng giấy khổ lớn để ghi nhận ý kiến cá nhân và ý kiến thống nhất chung của nhóm vào các phần được bố trí như khăn trải bàn.

a. Cách tiến hành

HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 8 người. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy khổ lớn. HS chia tờ giấy thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm. Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh. Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của "khăn trải bàn".

b. Ưu điểm và hạn chế

Ưu điểm: Thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS trong quá trình học tập theo nhóm. Huy động được trí tuệ tập thể của nhóm trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ. GV kiểm soát, ghi nhận được kết quả làm việc của cá nhân và thảo luận nhóm.

Hạn chế: Đòi hỏi về không gian lớp học và đồ dùng dạy học phù hợp (giấy khổ lớn, bút lông...) khi tổ chức hoạt động, đòi hỏi thời gian phù hợp để HS làm việc cá nhân và thống nhất ý kiến trong nhóm.

Ví dụ minh họa: Bài "Vẽ hoa, lá" lớp 4 với những yêu cầu cần đạt:

- Xác định được nội dung bài;
- Quan sát, nhận biết và phân tích đường nét, hình khối, màu sắc, đặc điểm của lá cây ngoài đời thật và trong hội họa;
- Hoạt động tìm hiểu chủ đề: quan sát, thảo luận về hình ảnh, HS quan sát các loại lá;
- HS được chia ra 4 nhóm, mỗi nhóm từ 4 HS, chia giấy như hình minh họa và mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng;
- GV nêu câu hỏi: Liệt kê những đặc điểm, màu sắc, hình dáng của các loại lá cây mà em quan sát thấy;
- Mỗi HS làm việc độc lập, quan sát và liệt kê những hình ảnh mình thấy trong hình vào ô của mình trong thời gian quy định;
- Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời, đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của "khăn trải bàn".

2.2.2. Kỹ thuật mảnh ghép

Kỹ thuật mảnh ghép là cách thức tổ chức hoạt động học tập hợp tác trong đó HS sẽ hoàn thành một nhiệm vụ phức hợp qua hai vòng. Đầu tiên, HS hoạt động theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ thành phần sao cho mỗi cá nhân trở thành chuyên gia của vấn đề được giao. Sau đó, chuyên gia

thuộc các vấn đề khác nhau sẽ kết hợp trong nhóm mới, chia sẻ lại vấn đề đã tìm hiểu để cùng giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

a. Cách tiến hành

Vòng 1: Nhóm chuyên gia - Hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm được phân công một nhiệm vụ cụ thể. Khi thực hiện nhiệm vụ học tập, nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên đều trở thành “chuyên gia” của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm ở vòng 2.

Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép - Hình thành nhóm mảnh ghép, sao cho các nhóm có tối thiểu một thành viên đến từ mỗi nhóm chuyên gia. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mảnh ghép chia sẻ đầy đủ với nhau. Sau khi tất cả các thành viên chia sẻ, các nhóm mảnh ghép thảo luận và thống nhất phương án giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

b. Ưu điểm và hạn chế

Ưu điểm: Giải quyết được nhiệm vụ phức hợp dựa trên học tập hợp tác hiệu quả; kích thích sự tham gia tích cực của HS trong hoạt động nhóm; nâng cao vai trò cá nhân trong quá trình hợp tác; phát triển NL giao tiếp cho mỗi HS thông qua việc chia sẻ trong nhóm mảnh ghép; tạo cơ hội cho HS hiểu sâu một vấn đề, HS không những hoàn thành nhiệm vụ mà còn phải chia sẻ cho người khác.

Hạn chế: Thời gian hoạt động dài khi tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập với 2 nhóm khác nhau trong hai vòng. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phức hợp phụ thuộc vào hiệu quả làm việc của nhóm chuyên gia và khả năng trình bày của mỗi cá nhân.

Ví dụ minh họa: Bài 8 – “Nặng con vật quen thuộc”. GV yêu cầu nặn con gà với những yêu cầu cần đạt:

- Quan sát, nhớ lại và chọn màu sắc phù hợp để nặn được các bộ phận con gà;
- GV chia lớp thành 4 nhóm.

- Vòng 1 (Vòng chuyên gia): GV giao nhiệm vụ cho nhóm 1 phần đầu gà, nhóm 2 nặn phần mình gà, nhóm 3 nặn chân gà, nhóm 4 nặn đuôi gà. Các thành viên trong từng nhóm làm việc theo yêu cầu của nhóm mình.

- Vòng 2 (Các mảnh ghép): Yêu cầu HS tách ra khỏi nhóm chuyên gia của mình và ghép đội với các bạn nhóm khác, tạo thành nhóm mới sao cho mỗi nhóm mới đều có 4 bạn ở đủ 4 nhóm chuyên gia. Các em sẽ lần lượt chia sẻ các bộ phận mà mình nặn được và cùng nhau ghép lại tạo thành một con gà hoàn chỉnh các bộ phận.

2.2.3. Kỹ thuật phòng tranh

Kỹ thuật phòng tranh là cách thức tổ chức hoạt động học tập trong đó các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS được trưng bày như một phòng triển lãm tranh. Khái niệm “tranh” ở đây có thể được hiểu là sản phẩm học tập trực quan của HS, vì vậy, tùy nội dung học tập, điều kiện học tập, sản phẩm “tranh” có thể được thực hiện bằng hình thức tranh vẽ hoặc sơ đồ, bảng biểu, ... thậm chí các câu, cụm từ ngắn. HS di chuyển, quan sát các sản phẩm của HS khác, đặt câu hỏi và nêu ra nhận xét hoặc ý kiến góp ý. Sau đó, GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm.

a. Cách tiến hành

GV giao nhiệm vụ học tập cho cá nhân hoặc nhóm. Có thể thiết kế nhiều nhiệm vụ khác nhau đủ cho các nhóm hoặc có thể lặp lại các nhiệm vụ ở các nhóm khác nhau. HS thực hiện nhiệm vụ và trưng bày các sản phẩm học tập như một phòng triển lãm tranh. HS di chuyển xung quanh lớp học tham quan phòng tranh. Trong quá trình “xem triển lãm”, HS đưa ra các ý kiến phản hồi hoặc bổ sung cho các sản phẩm. HS quay trở lại vị trí ban đầu, tổng hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm. GV tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân hoặc nhóm.

b. Ưu điểm và hạn chế

Ưu điểm: HS có cơ hội học hỏi lẫn nhau và ghi nhớ sâu kiến thức bài học. HS được phát triển kỹ năng quan sát và phân tích, giải quyết vấn đề.

Hạn chế: Đòi hỏi không gian rộng để HS trưng bày sản phẩm học tập và di chuyển theo mô hình mong muốn. Tốn nhiều thời gian để HS hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2.2.4. Kỹ thuật sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy (còn được gọi là bản đồ khái niệm hay giản đồ ý) là một hình thức trình bày thông tin trực quan. Thông tin được sắp theo thứ tự ưu tiên và biểu diễn bằng các từ khoá, hình ảnh... Thông thường, chủ đề hoặc ý tưởng chính được đặt ở giữa, các nội dung hoặc ý triển khai được sắp xếp vào các nhánh chính và nhánh phụ xung quanh. Có thể vẽ sơ đồ tư duy trên giấy, bảng hoặc thực hiện trên máy tính.

a. Cách tiến hành

Chuẩn bị phương tiện và các nội dung liên quan:

Đối với sơ đồ tư duy trên giấy: bút lông với ít nhất 5 màu, giấy khổ lớn, keo dính...

Đối với sơ đồ tư duy trên máy tính: có thể sử dụng một số phần mềm chuyên dụng như iMindMap, Edraw Mind Map, Xmind... Ngoài ra, có thể sử dụng một số ứng dụng trực tuyến như Mindmap (mindmap.com), Coggle (coggle.it)...

Ngoài ra, cần chuẩn bị trước tên chủ đề, từ khoá và các biểu tượng (icon) để có thể khai thác chủ động và hiệu quả.

Vẽ sơ đồ tư duy: Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề. Vẽ các nhánh chính từ chủ đề trung tâm. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề. Nên sử dụng từ khoá và viết bằng CHỮ IN HOA. Có thể dùng các biểu tượng để mô tả thuật ngữ, từ khoá để gây hiệu ứng chú ý và ghi nhớ. Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ, viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường. Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo cho đến hết.

Trong dạy học, có thể sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy trong nhiều tình huống khác nhau. GV chuẩn bị sơ đồ tư duy và tổ chức cho HS tìm hiểu bài giảng theo trình tự các nhánh nội dung trong sơ đồ tư duy do GV thiết kế. GV cũng có thể yêu cầu HS hoàn thành các nội dung còn khuyết hoặc triển khai thêm dựa trên sơ đồ tư duy do GV cung cấp. GV yêu cầu HS thiết kế sơ đồ tư duy để tóm tắt nội dung, ôn tập chủ đề; trình bày kết quả thảo luận, nghiên cứu của nhóm hoặc cá nhân; trình bày tổng quan một chủ đề; thu thập sắp xếp ý tưởng; ghi chú bài học...

b. Ưu điểm và hạn chế

Ưu điểm: Kích thích sự sáng tạo và tăng hiệu quả tư duy vì sơ đồ tư duy là một công cụ ghi nhận và sắp xếp các ý tưởng, nội dung một cách nhanh chóng, đa chiều và logic; dễ dàng bổ sung, phát triển, sắp xếp lại, cấu trúc lại các nội dung; tăng khả năng ghi nhớ thông tin khi nội dung được trình bày dưới dạng từ khoá và hình ảnh. HS có cơ hội luyện tập phát triển, sắp xếp các ý tưởng, nâng cao khả năng khái quát, tóm tắt, ghi nhớ tiêu điểm.

Hạn chế: Kỹ thuật này cần nhiều thời gian để thực hiện. Đồng thời, GV cũng thường phải chuẩn bị một số phương tiện dạy học phù hợp như giấy khổ lớn, bút nhiều màu,... Nếu dùng phương tiện CNTT để thực hiện thì phải đảm bảo GV hiểu rõ cách dùng các phương tiện CNTT đó. Do vậy, không phải GV nào, lúc nào cũng có thể sử dụng được kỹ thuật này.

Ví dụ minh họa: Bài 26: "Xem tranh của thiếu nhi" – Lớp 4

- Hoạt động: Quan sát, thảo luận về vẻ đẹp, màu sắc, các hoạt động trong bức tranh.
- GV chuẩn bị giấy lớn và bút lông nhiều màu, chia nhóm và cho HS xem tranh.
- HS thực hiện kỹ thuật sơ đồ tư duy theo nhóm, liệt ra những sự vật các em quan sát được trong tranh cùng những đặc điểm về đường nét, màu sắc... mà các em thấy.
- GV hướng dẫn các nhóm tìm từ khóa/chủ đề chính là tranh "Thăm ông bà" và viết bằng chữ in hoa vào chính giữa tờ giấy. Từ trọng tâm ra 3-4 nhánh chính thức theo các chủ đề là "Nhân vật", "Đồ vật", "Hoạt động"... Các nhánh nhỏ đi ra từ nhóm chính là những hình ảnh, đường nét, màu sắc mà học sinh tự tìm ra.
- Kết quả thu được để sử dụng cho hoạt động tiếp theo là thực hành sáng tạo theo nhóm.

Xem tiếp trang 108

Tranh biện không chỉ là phương thức rèn luyện các kỹ năng quan trọng của những người hành nghề Luật mà còn là hình thức sử dụng trí tuệ và tư duy phản biện trong giải quyết những vấn đề thực tiễn. Tranh biện giúp SV nói chung và SV ngành Luật nói riêng hình thành và phát triển tư duy phản biện, biết phân tích và xử lý các dẫn chứng, các dữ liệu một cách sắc sảo đồng thời rèn luyện các kỹ năng quan trọng, cần thiết cho việc thực hành nghề Luật trong tương lai. Có kỹ năng tranh biện các em sẽ biết cách giải quyết những vấn đề phức tạp trong cuộc sống, phân tích vấn đề một cách thận trọng và khoa học, từ đó giúp các em vượt qua những thử thách trong công việc. Việc rèn luyện kỹ năng tranh biện cho SV ngành Luật được thực hiện thông qua các cuộc thi tranh biện hoặc thông qua các môn học chuyên ngành trên lớp. Song song với quá trình cung cấp kiến thức chuyên môn, việc rèn luyện kỹ năng tranh biện sẽ trang bị cho SV những hành trang quan trọng để các em tự tin gia nhập vào cuộc sống và làm việc hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

1. George MC Coy MusGrave, *Competitive Debate: Rules and Techniques*, Published by H.W. Wilson Co., New York, 1957.
2. Nguyễn Hiền Lương, *Tư duy và vấn đề rèn luyện nâng cao năng lực tư duy của nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Triết học, số 6/2015.
3. Nguyễn Thị Tuyết Mai, *Phát triển năng lực tư duy phản biện cho sinh viên ngành Luật ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2018.
4. Lê Thanh Sơn (chủ biên), Đoàn Đức Lương, *Kỹ năng lập luận và tranh luận*, NXB Đại học Huế, Huế, 2020.
5. Richard Edwards PhD, *Competitive Debate: The Official Guide*, Published by Penguin Random House LLC, 2008.
6. Peter Mesarec, *Những kiến nghị tranh biện theo Luật Nghị viện Anh*. Nguồn: <https://Britishparliamentarydebate.com/debate-motions> - Debate Motions Headquarters (debate-motions.info, ngày 20/4/2021).
7. Nguồn: <https://www.facebook.com/vietyouthtodebate>, truy cập ngày 20/4/2021.

MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC MÔN MỸ THUẬT...

Tiếp theo trang 47

3. Kết luận

Việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực môn Mỹ thuật nhằm tạo cơ hội để HS phát triển các phẩm chất và năng lực cá nhân trong các trường tiểu học là một công việc không dễ dàng. Một số điểm cần lưu ý khi áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học đó là: Các phương pháp, kỹ thuật dạy học cần kết hợp hoạt động thực hành sáng tạo với thảo luận nghệ thuật, phát triển NL quan sát và nhận thức, khả năng sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ của HS trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, GV cần lưu ý quan sát và hỗ trợ HS tự học. Với mục tiêu dạy học phát triển NL tự chủ và tự học, các phương pháp, kỹ thuật dạy học được vận dụng linh hoạt, tạo điều kiện cho các em tự trải nghiệm, tự học và tự tri nhận kiến thức. Chính vì vậy GV cần theo dõi thông qua việc quan sát các biểu hiện trong quá trình học, sản phẩm tạo hình của HS để kịp thời can thiệp và hỗ trợ. GV cần áp dụng các phương pháp và các kỹ thuật dạy học tích cực hoá hoạt động của HS, trong đó GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện NL, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật*, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018.
2. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Diễm My, *Phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.
3. Vũ Xuân Hùng, *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2012.
4. Huỳnh Văn Sơn, *Tâm lý học sáng tạo*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục*, 2019.

PHÁT HUY TÍNH SÁNG TẠO CHO TRẺ THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH Ở TRƯỜNG MẦM NON

DƯƠNG THU TRANG
NGUYỄN VĂN THIẾU

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 14/5/2019. Sửa chữa xong 12/5/2019. Duyệt đăng 14/5/2019.

Abstract

Promoting creativity is an important requirement in training thinking for preschool children. Every creative child will be a smart, curious, favorite new kid. In preschools, there are many activities that show the creativity of children such as shaping activities, experiences, festivals, entertainment ... In particular, shaping is an activity with special advantages to help stimulate children, expressed from ideas to implementation process and product descriptions. If teachers know how to create an open environment with rich materials; The design and organization of many integrated activities that provide rich knowledge of the surrounding environment will make children more passionate and excited, soaring in their own imagination and creativity.

Keywords: *creativity, preschool children, shaping activities.*

1. Đặt vấn đề

Hoạt động tạo hình (HĐTH) là một trong những hoạt động góp phần phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ mầm non. Đây là hoạt động nghệ thuật và là phương tiện quan trọng trong giáo dục thẩm mỹ, hình thành và phát triển ở trẻ những sáng tạo ban đầu; giúp trẻ tìm hiểu, khám phá và thể hiện sinh động những gì trẻ nhìn thấy trong thế giới xung quanh [10, Tr. 37]. Hoạt động này tác động đồng bộ lên quá trình phát triển của trẻ về đạo đức – trí tuệ – thẩm mỹ và hình thành các phẩm chất, kỹ năng ban đầu. Thông qua các hoạt động như vẽ, nặn, xé, xếp dán... được thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non mới cùng với sự tác động của giáo viên (GV) giúp trẻ khả năng cảm thụ, đánh giá cái đẹp, hình thành cảm xúc thẩm mỹ, được rèn luyện các kỹ năng khéo léo, linh hoạt như kỹ năng thể hiện các đường nét, sử dụng màu, bố cục, trang trí tác phẩm. Việc trẻ có thể tiếp thu cũng như phát triển tốt các năng lực của mình trong HĐTH hay không phụ thuộc rất lớn vào khả năng tổ chức định hướng giảng dạy của GV. Nếu GV tổ chức HĐTH cho trẻ theo những phương pháp “rập khuôn”, “lạc hậu” sẽ làm hạn chế khả năng của trẻ, ngược lại, nếu biết sáng tạo, sử dụng những phương pháp hay, phù hợp sẽ kích thích và phát huy tốt nhất những năng lực tiềm tàng trong trẻ.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm sáng tạo của trẻ mầm non trong HĐTH

Sự sáng tạo của trẻ em không giống như sự sáng tạo của người lớn. Một người trưởng thành được coi là có trí sáng tạo khi họ tạo ra cái mới, cái độc đáo, gắn với tính chủ đích, có tính bền vững và thường là kết quả của quá trình nỗ lực tìm tòi... Nhưng một em bé được coi là có trí sáng tạo khi trẻ bắt đầu từ sự tái tạo, bắt chước, mô phỏng... và thường không có tính chủ đích. Sự sáng tạo của trẻ em phụ thuộc nhiều vào xúc cảm, vào tình huống và thường kém bền vững. Ở lứa tuổi mầm non, trẻ rất giàu xúc cảm, trí tò mò và tưởng tượng phong phú nên đây sẽ là giai đoạn tối ưu để kích thích sự sáng tạo, hành vi sáng tạo. Đôi khi chỉ cần vài mẫu gỗ, vài mẫu vải vụn, những mẫu giấy xé dán, hoặc chỉ là những nét vẽ nguệch ngoạc, hình mảng xanh đỏ trên giấy không rõ hình thù..., vốn rất ít có ý nghĩa, thậm chí hoàn toàn vô bổ với người lớn, nhưng lại thu hút toàn bộ tâm trí trẻ khiến chúng say sưa khám phá, sáng tạo. Đó là vì trẻ được chơi, được thỏa mãn với những ý tưởng tuyệt vời của chính mình. Như vậy, xúc cảm được nảy sinh trong quá trình chơi, chứ không phải ở sản phẩm cuối cùng (bức vẽ đẹp hay không đẹp theo cách nhận xét thường thấy ở người lớn) đã nuôi dưỡng trí tưởng tượng sáng tạo cho trẻ em.

Trong HĐTH được tổ chức ở trường mầm non, khả năng sáng tạo của trẻ được biểu hiện thông qua các đặc điểm:

- Linh hoạt trong thực hiện sản phẩm tạo hình: Là khả năng biến đổi những thông tin đã thu nhận được, sự thay đổi dễ dàng và nhanh chóng trật tự của hệ thống tri thức [tr.22]. Tính linh hoạt của trẻ được thể hiện: trẻ biết điều chỉnh hoạt động của mắt, não, các kỹ năng khéo léo, linh hoạt của đôi bàn tay, trẻ thích sử dụng màu sắc sặc sỡ, mỗi sản phẩm của trẻ mang một nội dung và tên gọi khác nhau.

- Mềm dẻo trong thực hiện ý tưởng với liên hệ thực tế: Là năng lực tổng hợp nhanh chóng dẫn tới ý tưởng mới để kết hợp các yếu tố riêng của tình huống, hoàn cảnh của sự vật, hiện tượng [tr. 22]. Tính mềm dẻo thể hiện: Lưu loát trong ý tưởng (Trẻ dễ dàng tìm ra được cách trả lời phù hợp, các giải pháp của các tình huống); Lưu loát trong từ ngữ (Từ một số từ, một số chữ, các tổ hợp từ trẻ có thể nhanh chóng tạo ra được các câu văn); Lưu loát trong liên tưởng (Đó là sự nhanh chóng tìm ra mối liên tưởng giữa các sự vật với hoàn cảnh cho trước); Lưu loát trong biểu đạt (là khả năng sử dụng ngôn ngữ để biểu đạt các ý tưởng, các khái niệm một cách chính xác, sinh động và nhanh chóng). Tính mềm dẻo còn là khả năng tìm ra nhiều giải pháp khi có một vấn đề đặt ra nhờ sự liên tưởng đến các giải pháp đã có trong vốn kinh nghiệm. Chẳng hạn, khi trẻ vẽ bức tranh về "Chiếc ô tô mơ ước của em", để hoàn thành được, trẻ phải có ý tưởng về chiếc ô tô mà trẻ mơ ước có được trong tương lai như có khả năng bay được trên không hay ngập lặn dưới nước nhưng chiếc ô tô ấy vẫn phải có cấu tạo cơ bản của một chiếc ô tô hiện tại trẻ vẫn nhìn thấy.

- Có tính độc đáo: Được thể hiện ở sản phẩm và cách giải quyết vấn đề khác với trẻ còn lại [tr.23]. Tính độc đáo được thể hiện ở hai yếu tố: Sự hiếm lạ, duy nhất: Đó là khả năng trẻ lựa chọn những tình huống, những sự vật để giải quyết vấn đề khác hẳn với mọi người. Sự liên tưởng xa: Đó là khả năng trẻ đưa ra các liên tưởng mới lạ đối với sự vật hiện tượng có quan hệ không gần gũi với nhau. Hoạt động tạo hình có ưu thế đặc biệt trong việc kích thích trẻ tạo ra những sản phẩm độc đáo, không bị rập khuôn trong những khuôn mẫu sẵn có.

- "Định nghĩa" lại sự vật, hiện tượng theo ý tưởng của trẻ: Là khả năng trẻ tìm ra những dấu hiệu tương đồng giữa sự vật, hiện tượng để có thể định nghĩa, đặt tên lại cho các sự vật hiện tượng mà vẫn không làm mất ý nghĩa, bản chất của nó [tr.24]. Trẻ vẽ lại bức tranh một bữa cơm gia đình với những món ăn quen thuộc nhưng đó có thể là những món ăn mà bằng mắt thường người lớn khó nhận biết được tên từng món ăn. Khi cho trẻ thuyết trình về bức tranh đó, con có thể gọi món ăn đó bằng những tên mới và đặc điểm mới phản ánh đúng như mong ước của trẻ.

Có thể thấy, để đánh giá mức độ sáng tạo của trẻ được xây dựng trên những đặc điểm chung; sự linh hoạt khi tiếp nhận và xử lý thông tin, sự mới mẻ trong cách giải quyết vấn đề và sự mềm dẻo, nhanh nhạy khi gặp tình huống có vấn đề. Từ những tiêu chí khác nhau để đúc kết thành một hệ thống đánh giá mức độ sáng tạo của riêng mình. Ở trường mầm non, khi kết thúc HĐTH, GV thường cho trẻ nhận xét và trưng bày sản phẩm. Nếu lấy hình mẫu, tranh mẫu của cô giáo để so sánh, đánh giá sản phẩm của trẻ thì sẽ không nhìn ra và kích thích được sự sáng tạo của trẻ. Sự sáng tạo của trẻ được biểu hiện thông qua tất cả những đặc điểm trên. Nhiệm vụ của mỗi GV mầm non là hiểu được bản chất của vấn đề và đánh giá toàn diện cả quá trình tạo hình của trẻ.

2.2. Biểu hiện sáng tạo của trẻ mầm non trong HĐTH

Tạo hình là một trong những bộ môn quan trọng nhất trong trường mầm non, là một hoạt động học tập mang tính nghệ thuật, là phương tiện quan trọng trong việc giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ, thể lực và lao động. HĐTH bao gồm nhiều hoạt động như: Vẽ, nặn, xé dán, cắt. Qua HĐTH đã góp phần đáng kể đến việc hình thành ở trẻ những tri thức, ngôn ngữ của trẻ cũng phát triển hoàn thiện cùng cảm xúc, thẩm mỹ, tính kiên trì, bền bỉ, khéo léo, sáng tạo. Trong quá trình sáng tạo của trẻ, sự bắt chước đóng vai trò quan trọng, tuy nhiên sự tái hiện lại trong quá trình đó không hoàn toàn giống trong thực tế. Do đó, sự sáng tạo của trẻ là chân thực nhất. Sáng tạo của trẻ bao giờ cũng xuất phát từ nhu cầu đã có trước, một nhu cầu cấp bách tự nhiên và điều kiện tồn tại của trẻ. Trẻ không bao giờ sáng tạo cái gì mà trẻ không biết, không hiểu và không có hứng thú. Trẻ có thể sáng tạo đột nhiên, có cách làm việc tự do, không cần ghi nhớ, không cần sự bắt chước, bất kì chỗ nào thiếu trí nhớ, những kỉ niệm bị rạn nứt chỉ còn lại những yếu tố rời rạc thì óc tưởng tượng sẽ móc ghép theo cách riêng, thế là có sáng tạo. Sáng tác của trẻ ít khi nghiền ngẫm lâu về tác phẩm của mình, phần lớn trẻ sáng tác liền một mạch. Trẻ giải quyết nhu cầu sáng tạo của mình nhanh chóng và triệt để những tình cảm đang tràn ngập trong

lòng trẻ. Trẻ không phải ngẫu nhiên tập trung vào việc sáng tạo, mà chính sáng tạo cho phép đứa trẻ ở lứa tuổi này có thể dễ dàng thể hiện hơn hết những điều đang tràn ngập tâm hồn trẻ.

Trong mọi hoạt động của mình trẻ luôn có cảm giác thắc mắc, tò mò cao độ và một sự nỗ lực tự phát nhằm khám phá, thử nghiệm và thao tác theo kiểu độc đáo mang tính trò chơi. Đó là biểu hiện mang tính sáng tạo của trẻ. Sáng tạo của trẻ mang tính chất tổng hợp các lĩnh vực trí tuệ, tình cảm, ý chí và đặc biệt là tưởng tượng sáng tạo được hưng phấn với một sức mạnh trực tiếp của cuộc sống. Chúng ta biết rằng so với người lớn, trí thức và kinh nghiệm của trẻ còn ít ỏi, trí tưởng tượng còn nghèo nàn, hứng thú đơn giản và sơ đẳng hơn nhưng do sự dễ dãi, sự mộc mạc của trí tưởng tượng nên trẻ sống trong thế giới tưởng tượng nhiều hơn, tin vào sản phẩm của trí tưởng tượng nhiều hơn, kiểm tra những sản phẩm ít hơn do đó mà trẻ dễ có những biểu hiện sáng tạo hơn. Sản phẩm sáng tạo của trẻ có thể không hoàn hảo nhưng ưu thế là chúng nảy sinh trong quá trình sáng tạo của trẻ.

Như vậy, sự sáng tạo của trẻ không chỉ được xem xét ở kết quả trong sản phẩm sáng tạo mà còn được nhìn nhận trong bản thân quá trình sáng tạo. Điều quan trọng không hẳn là ở cái mới mà trẻ tạo ra, mà là trẻ đang được sáng tạo, đang được bộc lộ và rèn luyện trong các HĐTH, được tự mình khám phá, tìm tòi, nghĩ ra một cái mới và thể hiện cái mới đó với niềm yêu thích.

2.3. Các biện pháp phát huy tính sáng tạo của trẻ thông qua HĐTH ở trường mầm non

2.3.1. Xây dựng thói quen tích cực trong HĐTH

Để có thể hình thành cho trẻ ước mơ sáng tạo mỹ thuật, việc luyện tập là điều không thể thiếu được và nó chính là cốt lõi của sự thành công mỗi trẻ. Hãy sắp xếp thời gian biểu khoa học để việc luyện tập cho trẻ được diễn ra thường xuyên, đều đặn tạo thành thói quen sinh hoạt hàng ngày nhằm nuôi dưỡng "chối non nghệ thuật" cho trẻ.

Nếp học là một bước cơ bản tạo nên thành công của tiết học, nếu chúng ta không đưa trẻ vào nề nếp thì giờ học không đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó GV cần tìm hiểu, nắm bắt được tâm lý và sở thích của từng trẻ, cùng với sự có nề nếp tốt của trẻ và sự hướng dẫn khoa học của cô, ngay từ ban đầu trẻ đã say mê với giờ học, luôn thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng cho hoạt động nghệ thuật GV nên: Xếp xen kẽ cháu mạnh dạn với cháu nhút nhát, cháu nam với cháu nữ, chia tổ đặt tên tổ và bầu ra tổ trưởng để dễ quán xuyến, nhắc nhở thành viên của tổ mình.

GV phải luôn động viên trẻ trong quá trình tổ chức hoạt động, uốn nắn cách ngồi học của trẻ cho trẻ ngồi đúng tư thế. Trẻ chủ động tích cực được nói lên ý kiến của mình, có câu hỏi định hướng tạo cho trẻ phát huy tính tích cực sáng tạo, làm cho trẻ mạnh dạn hơn.

2.3.2. Đổi mới các HĐTH cho trẻ qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm phong phú, đa dạng

HĐTH cần biết khuyến khích trẻ quan sát, nhận xét các sự vật hiện tượng thiên nhiên giúp trẻ bị thu hút vào vẻ đẹp tinh tế của thiên nhiên, tâm hồn trẻ sẽ tràn ngập niềm vui sướng khi tiếp xúc với thiên nhiên từ đó sự sáng tạo sẽ phát huy một cách tích cực nhất khi trẻ được học bằng các trải nghiệm thực tế gắn với cuộc sống của mình. Trên thực tế, để thực hiện điều này là một khó khăn không nhỏ đối với giáo viên, tuy nhiên không thể phủ nhận những giá trị to lớn nó mang lại cho trẻ. Phương thức này giúp trẻ nhận thức cũng như lĩnh hội các kiến thức sâu hơn về thế giới xung quanh, từ đó kích thích cho trẻ tinh thần ham học hỏi, là cơ sở nền tảng cho các hoạt động sáng tạo.

Để có các HĐTH ý nghĩa và hiệu quả, người GV cần hiểu được cá giá trị của mỗi loại hình trải nghiệm và sở thích học tập của trẻ, từ đó xây dựng nên được những trải nghiệm phù hợp, đa dạng các lĩnh vực như: trải nghiệm thiên nhiên, trải nghiệm ngôn ngữ, trải nghiệm chất liệu....

2.3.3. Tạo ra môi trường cho trẻ sáng tạo

- Thiết kế "không gian sáng tạo"

Một không gian sáng tạo có thể được thiết kế ngoài trời cũng như trong nhà, nó mang lại cơ hội cho trẻ sử dụng các kĩ năng và trải nghiệm trong những bối cảnh khác nhau từ đó tạo nên những liên kết trong học tập của mình.

Với không gian trong trường học trẻ em có thể sử dụng nguồn nguyên vật liệu sáng tạo: sử dụng vật liệu nghệ thuật để sáng tạo (nặn, vẽ, làm thủ công...) và lưu trữ lại các sản phẩm. Bên cạnh đó, lý tưởng hơn cả với một không gian sáng tạo khi xây dựng được "xưởng nghệ thuật" cho trẻ, được thiết

kế và lắp đầy bởi các nguyên vật liệu khác như đất sét, sơn, màu nghệ thuật, vật liệu thiên nhiên...giúp trẻ được trải nghiệm và phát huy một cách tích cực nhất những suy nghĩ và nâng cao thẩm mỹ về các chất liệu khi tham gia vào các dự án khác nhau.

- Cung cấp các vật liệu phong phú và độc đáo

Thông thường trong các tiết học tạo hình (vẽ, nặn) trẻ sẽ được sử dụng như bút màu, giấy màu, giấy trắng, đất nặn – đó là những đồ dùng phổ biến, không gây được nhiều ấn tượng cho trẻ. Việc GV sử dụng những vật liệu mới lạ (như dùng các khuôn vẽ đĩa giấy có sẵn hay tấm mảnh, tấm gỗ thay cho giấy vẽ...) sẽ mang lại sự sáng tạo và độc đáo hơn. Đối với trẻ mầm non, nguồn tài nguyên mở cung cấp điểm khởi đầu thú vị cho tất cả cá ý tưởng sáng tạo đó là khi chúng có trong tay những nguyên liệu tốt.

Đưa vật liệu thiên nhiên hay các nguyên vật liệu khác nhau vào quá trình tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non cần có nhiều các giải pháp và cách thức khác nhau, nhưng có thể nói đây là “cầu nối” để giúp cho HĐTH của trẻ thêm hứng thú, góp phần nuôi dưỡng những xúc cảm thẩm mỹ và tình cảm thẩm mỹ mới lạ ở trẻ, từ đó giúp trẻ khám phá và sáng tạo nên những giá trị mới trong cuộc sống.

2.3.4. Tổng hợp, tích hợp các hoạt động khác vào HĐTH để tạo hứng thú cho trẻ

Ngoài HĐTH trong trường mầm non còn có những hoạt động khác như âm nhạc (hát, múa), toán, tìm hiểu môi trường xung quanh, tiếng Việt, kể chuyện... Những hoạt động này có quan hệ chặt chẽ với nhau và bổ sung cho nhau. Tích hợp là đòi hỏi ở GV sự sáng tạo, linh hoạt và khéo léo, khi vận dụng tích hợp cần lựa chọn nội dung phù hợp logic, tránh quá trình hoạt động trở nên rời rạc, chắp vá. Tích hợp bằng cách đưa các bài đồng dao, ca dao, bài thơ, bài hát hay câu đố vào trong HĐTH không chỉ để tạo hứng thú cho trẻ mà còn làm cho các bước chuyển tiếp trở nên mềm dẻo, tạo cho trẻ cảm giác thoải mái an toàn, không gò bó cứng nhắc, không làm cho trẻ chán nản, mệt mỏi khi học... Với tiết học nặn các loại đồ chơi thì GV chuẩn bị đầy đủ các loại đồ chơi, ngoài ra chuẩn bị thêm tranh ảnh thật chiếu lên màn hình cho trẻ quan sát. Ngoài ra GV nên chuẩn bị một gian hàng trưng bày đồ chơi trẻ em và một số mẫu nặn đẹp. Sau khi trẻ được quan sát một số hình ảnh qua giáo án điện tử và được sự hướng dẫn của cô trẻ đã hoàn thành bài tập của mình.

3. Kết luận

Tạo hình là một trong những hoạt động quan trọng trong trường mầm non; là một hoạt động học tập có chủ đích mang tính nghệ thuật; là phương tiện quan trọng trong việc giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ, thể lực và lao động. Đây là hoạt động có tác dụng to lớn trong việc giáo dục, phát triển và hình thành nhân cách cho trẻ mầm non; phát triển các chức năng tâm lý; giáo dục trẻ lòng yêu đối với con người, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp...; hình thành ở trẻ những kĩ năng, kĩ xảo, năng lực quan sát, phát triển trí nhớ, trí tưởng tượng, sáng tạo, phát triển khả năng tri giác về hình dáng, cấu trúc, màu sắc của đồ vật bằng mắt một cách có mục đích.

Thông qua HĐTH trẻ có cơ hội tìm hiểu, nghiên cứu các đối tượng miêu tả để có được hiểu biết, hình dung về đối tượng đó, từ đó trẻ xây dựng các đối tượng giúp tăng thêm vốn hiểu biết của trẻ. Khi tham gia các HĐTH, trẻ tái tạo lại bằng hình tượng của đồ vật, hình tượng quen thuộc mà trước đó trẻ đã tri giác được. Trong trường mầm non, HĐTH chính là phương tiện để trẻ thể hiện mình, thông qua nghệ thuật tạo hình trẻ được thử sức mình trong việc thể hiện và sáng tạo thế giới riêng theo tư duy của mình. Đây là hoạt động có ưu thế đặc biệt trong việc kích hoạt tính sáng tạo của trẻ - một thao tác quan trọng của tư duy. Khi trẻ sáng tạo, tư duy của trẻ được phát triển, là tiền đề để tạo ra những cái mới, những phát minh khoa học trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thanh Thủy, *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội, 2008.
2. Lê Hồng Vân, *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, quyển III*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
3. Tạ Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Thu, *Phương pháp đánh giá trẻ trong đổi mới giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
4. Đào Thanh Âm (chủ biên) Trịnh Dân, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang, *Giáo dục học Mầm non, tập ba*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009.
5. Lê Huy Hoàng, *Sáng tạo và những điều kiện chủ yếu để kích thích sự sáng tạo của con người Việt Nam hiện đại*, NXB Khoa học xã hội, 2002.
6. Huỳnh Văn Sơn, *Tâm lý học sáng tạo*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
7. Đinh Thị Thanh Hà, *Một số biện pháp phát huy tính sáng tạo cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua hoạt động nặn ở trường mầm non*, Trường đại học Quảng Bình

HỌC LIỆU SỐ VÀ VAI TRÒ TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THẨM MĨ MÔN MĨ THUẬT CHO HỌC SINH

DƯƠNG THU TRANG

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 13/02/2025.2025. Sửa chữa xong 17/02/2025. Duyệt đăng 20/02/2025.

Abstract

Digital learning materials help teachers choose teaching methods, techniques, teaching forms, testing tools, and evaluate learning and educational results to meet the requirements of teaching and education to develop capacity and qualities. The article focuses on solving some theoretical issues about concepts, roles and principles in using digital learning materials, and at the same time proposes solutions and forms of optimal use and exploitation of digital learning materials in teaching Fine Arts to develop aesthetic capacity for students.

Keywords: Capacity, aesthetic ability, digital learning materials warehouse, fine arts.

1. Đặt vấn đề

Chúng ta đang sống trong kỉ nguyên của công nghệ. Cuộc cách mạng 4.0 đã và đang có những tác động mạnh mẽ tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 xác định mục tiêu đến năm 2025 là: Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học. Môn Mĩ thuật giúp học sinh (HS) nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ về bản thân và thế giới xung quanh, tình yêu nghệ thuật và cuộc sống; góp phần nâng cao nhận thức về tình yêu gia đình, quê hương, tình thân ái giữa con người với con người. Phát triển năng lực thẩm mĩ cho HS đối với môn Mĩ thuật đòi hỏi giáo viên (GV) phải tìm hiểu và có chuyên môn tốt, phát triển HS dựa trên những phương pháp, hình thức tổ chức và công cụ hỗ trợ hiện đại chứ không dạy theo phương thức truyền thống, tất cả đều được hiển thị dựa trên kế hoạch bài dạy khi GV thiết kế. Hiện nay trên các nền tảng CNTT đã và đang có rất nhiều các kho học liệu số (HLS) mà GV có thể tham khảo và sử dụng, tuy nhiên có mặt lợi ích và hạn chế; Việc sử dụng các HLS để thiết kế hoạt động dạy học mang đến những lợi ích như giúp GV tiết kiệm được thời gian thiết kế kế hoạch, được tham khảo các nội dung dạy học sáng tạo, hình ảnh, trò chơi dạy học,... Vì vậy việc sử dụng HLS trong dạy học Mĩ thuật là một phương tiện hiệu quả, mở ra không gian giúp cho GV mĩ thuật sáng tạo nhiều hơn trong công tác giảng dạy, mang đến cho HS những bài học sống động gần gũi. Khai thác hiệu quả những lợi ích mà HLS mang lại trong quá trình dạy học và công tác là một trong những yếu tố nâng cao chất lượng dạy học trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát học liệu số

2.1.1. Khái niệm học liệu số

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT (có hiệu lực ngày 23/10/2017) quy định ứng dụng CNTT trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho GV, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành thì học liệu số (hay học liệu điện

Email: trangdt@tnue.edu.vn

tử) được quy định như sau: *HLS (hay học liệu điện tử)* là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: Giáo trình điện tử, sách giáo khoa (SGK) điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác. Những học liệu này được số hóa theo kiến trúc định dạng và kịch bản nhất định, được lưu trữ trên các thiết bị công nghệ, điện tử như CD, USB, máy tính, mạng máy tính nhằm phục vụ cho việc dạy và học [3, tr. 63].

2.1.2. Phân loại

Việc phân loại HLS theo mục đích sử dụng có thể được chia như sau: Nguồn tài nguyên, học liệu phục vụ dạy học và giáo dục: giáo trình điện tử, SGK điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài trình chiếu đa phương tiện, bảng số liệu, dữ liệu thống kê,... ở các dạng tệp tin văn bản; Công cụ, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập: bài kiểm tra, phiếu đánh giá, bảng kiểm, bảng hỏi,... ở các dạng tệp tin văn bản; Các bài phát biểu, bài phỏng vấn, chương trình truyền thanh/ truyền hình, bài hát/ bài thơ,... ở dạng các tệp tin âm thanh và hình ảnh; Các loại hình ảnh, tác phẩm nghệ thuật, bản đồ, tài liệu hình ảnh, đồ họa thông tin, ... ở dạng các tệp tin hình ảnh; Các loại video, phim ảnh, phim hoạt hình, phóng sự truyền hình,... ở dạng các tệp tin phim ảnh; Các trang web chia sẻ tài nguyên, học liệu số [4].

a. Nguồn học liệu dùng chung

Kho học liệu số (Tri thức Việt số hóa): Địa chỉ truy cập: <https://igiaoduc.vn/>. Mô tả: Đây là sản phẩm hợp tác giữa Bộ GD&ĐT với Đề án Tri thức Việt số hoá của Chính phủ và một số đối tác xây dựng nền tảng với mục tiêu thu thập, lựa chọn, chia sẻ, cung cấp cho HS, GV trong toàn ngành khai thác sử dụng phục vụ nhu cầu ứng dụng công nghệ số đổi mới nội dung, phương pháp dạy, học (PPDH), kiểm tra đánh giá. Kho học liệu cung cấp đa dạng các loại HLS, trước hết phục vụ giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên. Kho học liệu cung cấp một số dạng phổ biến như bài giảng điện tử, bài giảng e-learning, bài giảng dạy trên truyền hình, bản số hoá các bộ SGK, thí nghiệm ảo, phần mềm mô phỏng...

Thư viện trực tuyến VIOLET: Địa chỉ: <https://violet.vn/>. Mô tả: Đây là một trang, kho tài liệu học tập trực tuyến do Công ty cổ phần Bạch Kim phát triển và phát hành đến HS, GV, bậc phụ huynh trong thời gian vừa qua. Tại đây sẽ cung cấp một cách đầy đủ nhất những bộ giáo án, bài giảng, các tài liệu học tập và đề thi cho GV, HS sinh viên từ cấp độ tiểu học, THCS cho đến THPT và cao đẳng, đại học. Truy cập ngay Thư viện trực tuyến VIOLET tìm kiếm và sở hữu tài liệu học tập, bài giảng.

Nền tảng sách điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Địa chỉ: <https://hanhtrangso.nxbgd.vn/>. Mô tả: Nền tảng sách điện tử Hành trang số chính thức ra mắt GV và HS cả nước với ba tính năng chính: Sách điện tử: Cung cấp giao diện thân thiện, trực quan, tôn trọng trải nghiệm đọc sách thực tế; đồng thời đính kèm các học liệu điện tử sinh động hỗ trợ cho nội dung bài học và bài tập tương tác, đối chiếu trực tiếp. Luyện tập: Cung cấp hệ thống bài tập trích xuất từ SGK, sách bổ trợ, kết hợp với kho Tự kiểm tra - đánh giá, bài tập chuyên đề, đề thi; đồng thời tích hợp chức năng kiểm tra đúng - sai, hướng dẫn và lời giải chi tiết để hỗ trợ HS tự luyện tập, thực hành và giúp thầy/cô có nguồn tài liệu tham khảo, giảng dạy. Thư viện: Cung cấp hệ thống bài tập trích xuất từ SGK, sách bổ trợ, kết hợp với kho Tự kiểm tra - đánh giá, bài tập chuyên đề, đề thi; đồng thời tích hợp chức năng kiểm tra đúng - sai, hướng dẫn và lời giải chi tiết để hỗ trợ HS tự luyện tập, thực hành và giúp thầy/cô có nguồn tài liệu tham khảo, giảng dạy.

b. Nguồn học liệu số dùng trong dạy học, giáo dục môn Mĩ thuật

Phim về Mĩ thuật Việt Nam: Địa chỉ: <https://www.youtube.com/>. Mô tả: Nội dung về Mĩ thuật Việt Nam hiện nay cũng được đầu tư rất nhiều, trong đó đáng kể là nguồn phim tư liệu để hỗ trợ cho GV và HS các cấp lớp. Một trong những ứng dụng phổ biến về video Mĩ thuật là Youtube.

Chương trình truyền hình: Địa chỉ: <https://vtv.vn/video/>. Mô tả: có nhiều kênh truyền hình online với nhiều nội dung SGK phù hợp để GV lựa chọn và dạy học. Một trong những chương trình truyền hình phổ biến có thể đáp ứng nhu cầu của GV và HS phổ thông chính là website của Đài Truyền hình Việt Nam.

Kho hình ảnh đa dạng chủ đề: Địa chỉ: <https://www.pinterest.com/>. Mô tả: Website này bao gồm hàng triệu hình ảnh tư liệu và sản phẩm, tác phẩm Mĩ thuật... có thể sử dụng trong dạy học và nghiên

cứu lịch sử Mĩ thuật (và vẫn đang tiếp tục được cập nhật, bổ sung). GV và HS nên sử dụng các từ khóa bằng tiếng Anh khi tìm kiếm sẽ cho ra nhiều kết quả phù hợp hơn.

c. Kho template Powerpoint

Sildegoo: Địa chỉ: <https://www.slidesgo.com>. Mô tả: Đây là một nền tảng trực tuyến chuyên cung cấp cho người dùng các mẫu PowerPoint đẹp hoàn toàn miễn phí. Khi bạn truy cập vào trang web, bạn sẽ thấy toàn bộ các mẫu PowerPoint được chia theo các chủ đề, bao gồm kinh doanh, giáo dục, y tế,... Ngoài ra, bạn còn có thể tìm kiếm template PowerPoint miễn phí theo từ khóa Tiếng Anh như flowers (hoa), money (tiền tệ), world (thế giới),...Giúp GV có thể có những bài giảng điện tử thu hút HS.

Slidescarnival: Địa chỉ: <https://www.slidescarnival.com>. Mô tả: Đây là nền chia sẻ tải về các mẫu PowerPoint Template miễn phí và chủ đề với cách trang trình bày ấn tượng, đẹp mắt, chuyên nghiệp đặc biệt hơn là tất cả đều miễn phí. Với thư viện chia sẻ này bạn sẽ dễ dàng hơn trong việc lên ý tưởng, thiết kế và sáng tạo trong việc trình bày nội dung, trang trí, hay tạo hiệu ứng động cho các tệp tin trình chiếu cho các tài liệu, giáo trình, bài giảng, báo cáo bài tập lớn tạo sức hút và ấn tượng mạnh mẽ với người xem.

d. Các phần mềm hỗ trợ

Phần mềm Microsoft PowerPoint: Địa chỉ: <https://office.com>. Mô tả: Microsoft PowerPoint là một phần mềm thiết kế và trình chiếu (office tool/suite) - một thành phần con nằm trong công cụ Microsoft Office2, do Microsoft phát hành giúp người dùng tạo, thiết kế và trình bày một bài trình chiếu đa phương tiện từ cơ bản đến nâng cao sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau đặc biệt là trong giáo dục. Biên tập, thiết kế và trình diễn các bài trình chiếu đa phương tiện, các mô phỏng thí nghiệm, các tài liệu/HLS ở nhiều định dạng khác nhau (pptx, pdf, jpg, mp4, rtf,...) để phục vụ dạy học/giáo dục trực tiếp và trực tuyến.

Phần mềm Canva: Địa chỉ: <https://www.canva.com/>. Mô tả: Canva được ra mắt vào năm 2013, được coi là 1 startup kỳ lân của nước Úc do Melanie Perkins sáng lập. Đây một trang web công cụ thiết kế đồ họa với sứ mệnh trao quyền cho mọi người trên thế giới thiết kế mọi thứ và đăng tải ở bất cứ đâu. Có thể thiết kế mọi thứ bạn cần với Canva, từ bản thuyết trình, áp phích, thư mời, logo, infographic, tờ rơi, biểu đồ, bài đăng trên mạng xã hội,... Tất cả những gì bạn phải làm là chọn một trong các mẫu có sẵn hoặc tạo một kích thước tùy chỉnh theo ý bạn. Đây là một trong những phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng điện tử cho GV.

2.1.3. Vai trò của học liệu số trong dạy học Mĩ thuật

a. Học liệu số được coi là “nguồn tiềm lực” quan trọng để khai thác và sử dụng trong dạy học, giáo dục
Tác động trực tiếp đến các thành tố của quá trình dạy học, giáo dục như:

Mục tiêu dạy học: chú trọng phát triển các năng lực và phẩm chất ở HS, phát triển năng lực (PTNL) đặc thù của môn học nhất là năng lực tin học, HS có thêm cơ hội thích nghi và hội nhập với thời kì cách mạng công nghiệp 4.0. Nội dung dạy học: theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nội dung trong SGK chỉ đóng vai trò tham khảo từ đó GV có thể chủ động xây dựng nội dung dạy học phù hợp từ nhiều nguồn học liệu khác nhau: học liệu truyền thống trên trong SGK, hay HLS được chia sẻ trên Internet,...Từ đó GV thiết kế, biên soạn thành các dạng HLS mới đa dạng, sinh động hơn, đối với HS HLS được coi là nguồn cung cấp thông tin vô tận HS chủ động tìm kiếm, sở hữu để khám phá, làm chủ và vận dụng một cách hiệu quả. Phương pháp và kĩ thuật dạy học: để giúp HS PTNL thì GV cần sử dụng các PPDH tích cực hóa hoạt động của HS như dạy học trực quan, dạy học khám phá, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề...HLS tạo thêm cơ hội cho GV chủ động lựa chọn PPDH, cách thức triển khai hoạt động học chẳng hạn với sự phối hợp giữa thiết bị trình chiếu đa phương tiện với HLS dạng video thí nghiệm ảo, hình ảnh động HS sẽ tiếp cận thế giới tự nhiên một cách “trực quan” hơn, hấp dẫn hơn để dễ dàng nhận thức, khám phá và giải quyết được vấn đề. Ngoài ra HLS còn tác động đến phương tiện dạy học và học liệu dạy học, giáo dục và quá trình kiểm tra, đánh giá. Như vậy, HLS có vai trò làm đa dạng hoá, hiện đại hóa các phương tiện và học liệu dạy học, giáo dục, từ đó giúp cho việc dạy học, giáo dục trở nên “trực quan” hơn, hứng thú và hiệu quả hơn.

b. Tạo động lực, kích thích người dạy khai thác ý tưởng tổ chức hoạt động dạy học mới, kế hoạch bài dạy đa dạng, hiện đại, hiệu quả

Với sự kết hợp giữa CNTT, HLS và yêu cầu khác có liên quan đến thiết bị công nghệ - Thiết bị công

nghệ và học liệu số tạo động lực, kích thích người dạy khai thác ý tưởng dạy học mới, thiết kế kế hoạch bài dạy hiện đại. Sử dụng triệt để các tính năng, các nội dung đã có để sử dụng vào tổ chức thiết kế bài dạy bên cạnh đó HLS và thiết bị công nghệ còn góp phần hỗ trợ cho việc số hóa các nguồn học liệu, tài nguyên phục vụ dạy học, giáo dục theo các ý tưởng, kịch bản sư phạm đã được đầu tư. HLS còn đóng vai trò hỗ trợ GV triển khai tổ chức dạy học, giáo dục đa dạng theo hình thức dạy học trực tuyến. Thực tế cho thấy, các hình thức dạy học này đã và đang trở thành yêu cầu thực tiễn đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú của người học trở thành “tài nguyên, công cụ” quan trọng, đặc biệt thực hiện trong bối cảnh của xã hội hiện nay như đất nước ta vừa trải qua đại dịch nghiêm trọng khiến cả nước giãn cách xã hội trong một khoảng thời gian.

c. Hỗ trợ người dạy triển khai các ý tưởng sư phạm với phương pháp dạy học, giáo dục hiện đại nhất

HLS giúp GV chọn lựa phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức dạy học, công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục đáp ứng yêu cầu của dạy học, giáo dục phát triển năng lực, phẩm chất. Chẳng hạn dựa trên các thiết bị trình chiếu phương tiện có sẵn và HLS liên quan đến nội dung bài học như các video, hình ảnh từ đó GV sẽ kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học trực quan, trải nghiệm gây hiệu ứng với HS. Ngoài ra, học liệu số còn góp phần hỗ trợ, cải tiến các PPDH, giáo dục truyền thống để phù hợp nhất với điều kiện và bối cảnh của nhà trường, xã hội từ đó GV sẽ đưa ra các PPDH và triển khai dạy học một cách chủ động. Cụ thể, có HLS và thiết bị công nghệ, có thể dạy học trong các điều kiện khác nhau với thời gian hạn định vẫn đảm bảo các yêu cầu cần đạt và mục tiêu mong đợi ở người học.

d. Góp phần phát triển hứng thú học tập và kĩ năng của người học

Góp phần “trực quan hoá” các dữ liệu học tập cùng với các tiện ích có sẵn tạo thêm sự hứng thú học tập, kích thích ý tưởng và hoạt động khám phá, sáng tạo của người học giúp người học có động lực và trách nhiệm hơn trong việc tự học để hoàn thiện các nội dung đã cho và hoàn thiện chính mình. Đặc biệt, phát triển khả năng công nghệ trong việc khai thác học liệu số, phát triển các kĩ năng sống như kĩ năng lựa chọn và khai thác thông tin, khả năng tư duy làm việc khoa học, công nghệ để thay đổi cả suy nghĩ, định hướng thích ứng với các yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0. Đa dạng các hình thức tương tác trong hoạt động của HS: tương tác giữa HS - HS, HS - GV, HS - cộng đồng. Các tương tác này tạo cơ hội PTNL giao tiếp và hợp tác bên cạnh các phẩm chất và năng lực đã được xác định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [2, tr. 70].

2.2. Năng lực thẩm mỹ trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Năng lực thẩm mỹ được Chương trình Giáo dục phổ thông xác định là năng lực đặc thù của môn Mĩ thuật. Năng lực thẩm mỹ có trong mỗi cá nhân được biểu hiện bằng khả năng cảm thụ, đánh giá tính thẩm mỹ các yếu tố như tỉ lệ, vị trí, bố cục, hình dáng, màu sắc,... trong các tác phẩm, sản phẩm nghệ thuật. Điều đó được kết hợp giữa cảm xúc, tư duy và sự nhận biết, thấu hiểu về những giá trị thẩm mỹ của thế giới xung quanh.

Năng lực mĩ thuật được bồi dưỡng phát triển với các thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mĩ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ, đánh giá thẩm mĩ. Năng lực quan sát và nhận thức thẩm mĩ được hiểu là sự biểu đạt về cảm xúc, suy nghĩ, thái độ, cử chỉ, ngôn ngữ... trước sự chân thực của cái đẹp trong tác phẩm nghệ thuật và cuộc sống xung quanh. Đối với môn Mĩ thuật, năng lực này được ghi nhận bởi: Các biểu hiện của HS qua nhận biết một số yếu tố cơ bản ở tác phẩm nghệ thuật, yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ; bước đầu tiên ở HS cảm nhận cái đẹp ở đối tượng thẩm mĩ và giá trị của tác phẩm nghệ thuật rồi liên tưởng, thực hành sáng tạo. Năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ được đánh giá trong môn Mĩ thuật được thể hiện ở việc HS chủ động thể hiện ý tưởng của đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản, HS thực hành sáng tạo ở mức đơn giản có vận dụng yếu tố và nguyên lí tạo hình để tạo ra sản phẩm mang tính ứng dụng rồi sử dụng các sản phẩm nghệ thuật phục vụ cho việc học và đời sống. Năng lực đánh giá thẩm mĩ giúp HS phân tích đối tượng thẩm mĩ ở mức đơn giản, điều đó thể hiện ở HS tìm hiểu về tác phẩm nghệ thuật rồi chia sẻ cảm nhận về đối tượng thẩm mĩ và mô tả yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở tác phẩm nghệ thuật. Bên cạnh đó, HS bước đầu có những đánh giá về yếu tố, nguyên lí tạo hình của đối tượng thẩm mĩ rồi học hỏi kinh nghiệm thực hành sáng tạo.

Năng lực thẩm mĩ sẽ được phát triển hơn nữa ở mỗi HS khi hình thức và PPDH được cải tiến hơn bằng cách ứng dụng CNTT và sử dụng các khi HLS vào giảng dạy. Điều đó sẽ phát huy tính tích cực học tập của HS được nâng cao, góp phần phát triển năng lực thẩm mĩ ở HS.

2.3. Các nguyên tắc sử dụng kho học liệu số trong dạy học Mĩ thuật

2.3.1. Đảm bảo tính khoa học

- Sử dụng HLS cần nghiên cứu một cách khoa học, phù hợp với các mô hình cụ thể. Việc sử dụng này phải từng bước đảm bảo tính đồng bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng HLS trong dạy học, giáo dục của nhà trường nói riêng, hướng đến hiệu quả của dạy học, giáo dục nói chung.

- Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ về yêu cầu cơ bản, nguyên tắc khi ứng dụng, sử dụng HLS và tài nguyên học tập.

- Đảm bảo logic, hệ thống và khách quan giữa nội dung dạy học với HLS. Cần đảm bảo các yêu cầu kĩ thuật có liên quan đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhất là cách thức hoạt động của HS, sản phẩm của hoạt động học khi ứng dụng HLS.

- Đảm bảo tính đồng nhất của việc sử dụng HLS trong dạy học, giáo dục trong nội bộ cơ sở giáo dục, các đơn vị liên quan, liên ngành đáp ứng với nhu cầu của địa phương và cơ sở giáo dục [3, tr. 46].

2.3.2. Đảm bảo tính sư phạm

- Đảm bảo tương thích với các đặc điểm về yêu cầu của dạy học phát triển phẩm chất, năng lực trong quá trình dạy học, HS là trung tâm, đánh giá chú trọng sự tiến bộ của HS, tôn trọng năng lực và phẩm chất hiện có từ đó phát triển một cách tích cực, hiệu quả...

- Đảm bảo tuân thủ tính logic trong các pha của hoạt động dạy học, các bước và yêu cầu khi xây dựng và triển khai kế hoạch bài dạy, kế hoạch giáo dục... Bên cạnh đó, việc sử dụng HLS kết hợp CNTT không làm mất đi, giảm đi các tính sư phạm trong nhân cách và năng lực nghề nghiệp của người GV điều này có liên quan đến nhiệm vụ phát triển năng lực và phẩm chất HS của người GV cần đảm bảo thực thi một cách trọn vẹn.

- Đảm bảo hiệu quả đạt được mục tiêu, yêu cầu cần đạt và chuẩn đầu ra tuy nhiên cần chú ý đến những nhân tố như: kinh phí, thời gian, công sức đầu tư trên bình diện hiệu suất tổng thể [3, tr. 47].

2.3.3. Đảm bảo tính pháp lí

- Đảm bảo các hướng dẫn cơ bản, quy định về ứng dụng CNTT trong dạy học, giáo dục của Bộ GD&ĐT đã ban hành trong đó cần chú trọng các nội dung chính: xác định được mục tiêu, nội dung, mức độ ứng dụng CNTT trong các hoạt động giáo dục phù hợp với chủ trương chung và điều kiện thực tế, mang lại hiệu quả đầu tư và ứng dụng CNTT một cách thiết thực.

- Đảm bảo các quy định về quản lí và tổ chức dạy học trực tuyến, cụ thể là hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá, học liệu và quản lí, lưu trữ hồ sơ dạy học trực tuyến.

- Tuân thủ Luật An ninh mạng (Luật số 24/2018/QH14 ngày 12/6/2018), Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội (Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông) liên quan đến CNTT [3, tr. 47].

2.3.4. Đảm bảo tính thực tiễn

- Dựa trên kết quả đánh giá, khảo sát về điều kiện, kinh nghiệm sử dụng học liệu số, thiết bị công nghệ, CNTT của cơ sở, đội ngũ với các yêu cầu có liên quan về cơ sở hạ tầng, vật chất, trang thiết bị công nghệ, đường truyền,...

- Dựa trên các dữ liệu và các kết quả dự báo về năng lực ứng dụng CNTT, học liệu số và thiết bị công nghệ của GV, cán bộ quản lí và nhất là thói quen, kĩ năng, ý tưởng sư phạm và định hướng đổi mới trong dạy học, giáo dục.

- Dựa vào khả năng của HS, thái độ và các kĩ năng liên quan khi tham gia vào quá trình triển khai ứng dụng CNTT, HLS và thiết bị công nghệ của GV nhất là sự tương tác và phối hợp của HS và sự tự học, các thói quen tự học của HS cũng như hứng thú, nhu cầu của các em nhất là cần cần trọng khi sử dụng các hình thức dạy học có ứng dụng CNTT với HS tiểu học.

- Khéo léo khai thác, dựa trên đồng thuận của phụ huynh, dư luận xã hội về ứng dụng CNTT, HLS và

thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục theo hướng vừa tuyên truyền, vừa chia sẻ và khuyến khích ứng dụng một cách tích cực [3, tr. 48].

2.4. Một số biện pháp phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh thông qua học liệu số

2.4.1. Xây dựng hệ thống học liệu số đa dạng và phong phú

Lựa chọn các tác phẩm nghệ thuật kinh điển, các bài giảng, tài liệu tham khảo, video hướng dẫn, trò chơi tương tác... có nội dung phù hợp với chương trình và mục tiêu PTNL thẩm mỹ của HS. Xây dựng các bài giảng điện tử, các hoạt động tương tác, các dự án sáng tạo... dựa trên kho HLS, tích hợp các yếu tố đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh, video...) để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả. Sắp xếp kho học liệu số một cách khoa học, logic, dễ dàng tìm kiếm và truy cập.

2.4.2. Tổ chức các hoạt động dạy học đa dạng và sáng tạo

Sử dụng HLS như công cụ hỗ trợ: Trình chiếu hình ảnh, video về các tác phẩm nghệ thuật để giới thiệu, phân tích, so sánh. Sử dụng các phần mềm, ứng dụng để hướng dẫn HS vẽ, thiết kế, tạo hình. Tổ chức các trò chơi tương tác để HS khám phá, tìm hiểu về màu sắc, bố cục, hình khối... Tạo cơ hội cho HS tương tác: Khuyến khích HS tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá các tác phẩm nghệ thuật trên Internet. Tổ chức các buổi thảo luận, chia sẻ cảm xúc, ý kiến về các tác phẩm nghệ thuật. Tạo điều kiện để HS tự do sáng tạo, thể hiện ý tưởng thông qua các hoạt động mỹ thuật ứng dụng công nghệ số. Kết hợp học tập trực tuyến và ngoại tuyến: Sử dụng học liệu số để cung cấp kiến thức, hướng dẫn kỹ năng cho HS trước khi thực hiện các hoạt động thực hành. Tổ chức các buổi tham quan bảo tàng, phòng tranh, các hoạt động trải nghiệm thực tế để HS tiếp xúc trực tiếp với nghệ thuật.

2.4.3. Phát triển các hình thức đánh giá đa dạng và linh hoạt

Quan sát, ghi nhận sự tham gia, đóng góp của HS trong các hoạt động. Xem xét, phân tích các sản phẩm mỹ thuật của HS dựa trên các tiêu chí cụ thể về tính thẩm mỹ, sáng tạo, kỹ thuật... Khuyến khích HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau để phát triển khả năng nhận xét, phê bình. Chụp ảnh, quay video sản phẩm của HS, sử dụng các phần mềm, ứng dụng để chấm điểm, nhận xét trực tuyến.

2.4.4. Tạo môi trường học tập thân thiện và khuyến khích

Khuyến khích HS tự do thể hiện ý kiến, cảm xúc, không ngại sai sót. Ghi nhận và đánh giá cao những ý tưởng, cách thể hiện độc đáo của HS. Kịp thời động viên, khích lệ những cố gắng, tiến bộ của HS.

2.4.5. Bồi dưỡng năng lực cho giáo viên

Tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng về sử dụng HLS, các PPDH ứng dụng CNTT và truyền thông. Tạo điều kiện để GV trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau. Khuyến khích GV tự học, tự bồi dưỡng để cập nhật kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và mỹ thuật.

3. Kết luận

Trong bối cảnh công nghệ số hiện nay, việc PTNL số giúp quá trình sử dụng HLS cho GV Mỹ thuật không chỉ là một xu hướng mà là một yêu cầu cấp thiết. Bài viết "Học liệu số và vai trò trong việc phát triển thẩm mỹ môn Mỹ thuật cho HS" đã nghiên cứu và phân tích HLS cũng như vai trò của học liệu số mang lại, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực thẩm mỹ cho HS thông qua sử dụng HLS cho GV Mỹ thuật. Việc sử dụng HLS không chỉ giúp GV tiếp cận với những công nghệ, các tài liệu giảng dạy khoa học, mà còn tạo điều kiện để đổi mới nội dung, hình thức và PPDH, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục Mỹ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho HS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật*.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Quyết định v/v ban hành danh mục các mô đun bồi dưỡng giáo viên cốt cán và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán để thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, Mô đun 9: Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh tiểu học môn Mỹ thuật*.
- [4] Hoàng Thị Ngọc Huyền (2020), *Sử dụng phần mềm PowerPoint để thiết kế một số trò chơi học tập nhằm tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh trong dạy học môn Khoa học*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.